



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 29 + 30

Ngày 20 tháng 04 năm 2024

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

20/03/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 472/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2024	2
26/03/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 509/QĐ-UBND ban hành tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận, xác nhận cơ quan, đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy	12
28/03/2024	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 517/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030	83
09/04/2024	Quyết định của UBND tỉnh số 655/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La	101

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 472/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai phong trào thi đua
“Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 72/TTr-CAT-PCCC ngày 08 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai phong trào thi đua “Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Triển khai phong trào thi đua

“Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an, cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia công tác PCCC và CNCH. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia công tác PCCC và CNCH.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC và CNCH; kiểm chế số vụ cháy, nổ xảy ra và thiệt hại do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra, góp phần giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội phục vụ đắc lực công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đổi mới tư duy, nhận thức, phương pháp, cách làm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, cấp ủy, chính quyền các địa phương, nòng cốt là các lực lượng chuyên trách trong công tác PCCC và CNCH và của người dân trong công tác này.

2. Yêu cầu

- Phong trào thi đua phải trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong các phong trào thi đua của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Triển khai Phong trào thi đua sâu rộng, thiết thực, hiệu quả từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở với nội dung đa dạng, hình thức phong phú, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; phát huy được sáng kiến, cách làm sáng tạo của các cấp, ngành, các tầng lớp Nhân dân.

- Việc biểu dương, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua phải đảm bảo thực chất, khách quan, minh bạch, tạo động lực thúc đẩy Phong trào thi đua phát triển, không chạy theo thành tích; kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO THI ĐUA

Với phương châm bốn tại chỗ trong công tác PCCC và CNCH “Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư và hậu cần tại chỗ”, tập trung thi đua thực hiện tốt các nội dung chủ yếu sau:

1. Thi đua thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Luật PCCC; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Công an, cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác PCCC và CNCH.

2. Thi đua tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCCC và CNCH cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân; từ đó nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm tham gia vào công tác PCCC và CNCH. Gắn phong trào thi đua với việc xây dựng khu dân cư, gia đình văn hóa, nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PCCC và CNCH.

3. Thi đua tổ chức và tham gia các hoạt động hưởng ứng Tháng an toàn PCCC lần thứ 29 (*tháng 10 năm 2024*) và Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy lần thứ 23 (*ngày 04 tháng 10 năm 2024*) phù hợp với thực tế của địa phương như: Tổ chức mít tinh; gặp mặt truyền thống; ký giao ước thi đua; tổ chức ký cam kết bảo đảm an toàn PCCC giữa các đơn vị, cơ sở trọng điểm về PCCC, các hộ kinh doanh ở chợ, các hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát, củng cố hoạt động của lực lượng PCCC tại chỗ...

4. Thi đua tăng cường công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH theo quy định của pháp luật; quan tâm đến việc đào tạo, xây dựng lực lượng, trang bị phương tiện, bảo đảm ngân sách cho hoạt động PCCC và CNCH. Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là các cơ sở, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

5. Thi đua nhân rộng mô hình “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”, “*Điểm chữa cháy công cộng*” tại các khu dân cư; 100% ngõ, hẻm tập trung đông dân cư, có chiều dài từ 50m trở lên, xe chữa cháy không tiếp cận được phải có “*Điểm chữa cháy công cộng*”; tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng PCCC và thoát nạn cho các hộ gia đình, hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; vận động mỗi hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy.

6. Thi đua tổ chức và tình nguyện tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đối với những vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra tại địa bàn, cơ sở.

III. HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA

1. Hình thức khen thưởng

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.
- Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

2. Đối tượng

Các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong triển khai phong trào thi đua “Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ” năm 2024.

3. Tiêu chí khen thưởng

a) Tiêu chí chung

- Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và quy định trong công tác PCCC và CNCH nói riêng.

- Trong năm 2024, không để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản.

b) Tiêu chí cụ thể

*** Đối với tập thể:**

Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện phát động Phong trào thi đua toàn dân PCCC và CNCH, đạt một trong các tiêu chí sau:

- Tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai đầy đủ các văn bản, cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện, kiểm tra... trong công tác PCCC và CNCH; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia PCCC và CNCH.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt phong trào thi đua toàn dân PCCC và CNCH, hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH, không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các tổ chức đoàn thể và các tầng lớp nhân dân.

- Nắm chắc tình hình địa bàn, cơ sở và triển khai đồng bộ các giải pháp, biện pháp đảm bảo an toàn PCCC và CNCH.

- Triển khai, hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH năm 2024; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về PCCC và CNCH, không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản.

- Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu công tác PCCC và CNCH được giao; có nhiều đóng góp về công sức, trí tuệ, vật chất trong công tác PCCC và CNCH.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ các chuyên đề đầy đủ, đúng thời hạn.

- Đối với tập thể thuộc cơ quan Nhà nước, đoàn thể, địa phương phải được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

*** Đối với cá nhân:**

Ngoài đảm bảo các tiêu chí chung cần đáp ứng được một trong các tiêu chí sau:

- Tích cực hưởng ứng, tham gia công tác PCCC và CNCH tại nơi làm việc và địa phương nơi cư trú; vận động người thân và những người xung quanh chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH, tham gia tích cực trong công tác PCCC và CNCH.

- Trực tiếp tham mưu, triển khai thực hiện tốt các nội dung liên quan đến công tác PCCC và CNCH; đề xuất những giải pháp, biện pháp, sáng kiến hữu ích góp phần triển khai tốt nhiệm vụ công tác PCCC và CNCH.

- Trực tiếp thực hiện và thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý Nhà nước về PCCC và CNCH, kịp thời phát hiện, đề xuất các cấp lãnh đạo xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về PCCC và CNCH.

- Trực tiếp hoặc tham gia hỗ trợ các lực lượng thực hiện nhiệm vụ, kịp thời chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do sự cố cháy, nổ, tai nạn gây ra.

- Đối với các cá nhân thuộc cơ quan Nhà nước, đoàn thể, địa phương phải được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

*** Lưu ý:**

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương xét chọn, đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đảm bảo tiêu chí theo quy định.

- Không đề xuất khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân đã được khen thưởng những nội dung liên quan đến công tác PCCC và CNCH khác trong năm.

IV. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG, SỐ LƯỢNG KHEN THƯỞNG

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm 01 bộ bản chính và các tệp tin điện tử của hồ sơ, cụ thể:

- Tờ trình kèm theo danh sách của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

- Biên bản họp xét khen thưởng của cấp trình khen thưởng.

- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình đề nghị khen thưởng theo mẫu số 08 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Số lượng

- Bảng khen của UBND tỉnh: Không quá 08 tập thể và cá nhân.

- Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố (*Các đơn vị, địa phương căn cứ tình hình thực tiễn để xác định số lượng khen thưởng cho phù hợp theo quy định*).

V. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Phong trào thi đua được triển khai thực hiện trong năm 2024.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tỉnh, lực lượng vũ trang, các huyện, thành phố:

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Phong trào thi đua, hoàn thành trong tháng 3 năm 2024 gửi về Công an tỉnh và Sở Nội vụ.

- Tổng kết phong trào thi đua: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, Công an tỉnh tặng Bằng khen, Giấy khen đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua; báo cáo kết quả triển khai thực hiện Phong

trào thi đua và hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Công an tỉnh (qua Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH) trước ngày 10 tháng 11 năm 2024 để tổng hợp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương và lực lượng vũ trang

- Căn cứ điều kiện thực tiễn theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực triển khai Phong trào thi đua sâu rộng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tiến độ.

- Có hình thức tuyên truyền phù hợp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong công tác PCCC và CNCH, qua đó tạo sự đồng thuận của toàn xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện Phong trào thi đua.

- Đẩy mạnh việc phát hiện, biểu dương, tuyên truyền và nhân rộng những cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong Phong trào thi đua.

2. Công an tỉnh

- Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, làm tốt công tác tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị Quyết, Kết luận của Đảng, Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về PCCC và CNCH.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐND - UBND tỉnh về công tác PCCC và CNCH. Chủ động nắm chắc tình hình có liên quan đến công tác PCCC và CNCH để tham mưu kịp thời các chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an toàn PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát các đối tượng có liên quan đến công tác PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh, đánh giá, phân loại địa bàn, cơ sở trọng điểm, khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao để tăng cường quản lý nhà nước về PCCC và CNCH.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La và các cơ quan thông tin, truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH cho mọi tầng lớp nhân dân. Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp, phương pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH. Phối hợp với UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị chức năng tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình tiêu biểu trong công tác PCCC.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các cấp triển khai các biện pháp nghiệp vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến đảm bảo an toàn PCCC; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH, đối với các hành vi phạm nghiêm trọng, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ phải tiến hành tạm đình

chỉ, định chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật; xây dựng và nhân rộng các mô hình “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”, “*Điểm chữa cháy công cộng*”, “*Chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về PCCC*”, “*Trường học an toàn PCCC*”, “*Cụm dân cư an toàn PCCC*”...

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ ban hành hướng dẫn, tổng hợp, thẩm định, đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Toàn dân PCCC và CNCH" năm 2024.

3. Sở Tư pháp

- Hướng dẫn, đôn đốc các ngành thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và các huyện, thành phố đưa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về PCCC và CNCH vào Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024.

- Phối hợp với Công an tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông; Báo Sơn La; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

- Theo chức năng, nhiệm vụ tiếp tục nghiên cứu, nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền về pháp luật, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH cho mọi tầng lớp nhân dân; đa dạng các hình thức tuyên truyền bằng nhiều ngôn ngữ của đồng bào dân tộc ở địa phương, trong đó cần đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng mạng xã hội phục vụ công tác tuyên truyền về PCCC và CNCH; tập trung tuyên truyền vào các thời điểm có nguy cơ cháy, nổ cao, diễn biến thời tiết, khí hậu phức tạp.

- Tăng cường xây dựng các tin, bài, phóng sự tuyên truyền các quy định của pháp luật về PCCC và CNCH, hướng dẫn các biện pháp PCCC và thoát nạn khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra; biểu dương gương người tốt, việc tốt trong công tác PCCC và CNCH; phê phán công khai các hành vi thiếu trách nhiệm, các vi phạm nghiêm trọng về PCCC và CNCH của các tổ chức, cá nhân; ưu tiên bố trí khung giờ, thời lượng tuyên truyền về công tác PCCC và kiến thức, kỹ năng PCCC, thoát hiểm, thoát nạn.

- Phối hợp với Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị viễn thông gửi tin nhắn SMS đến các thuê bao di động trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng PCCC và thoát nạn.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh

- Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh đưa nội dung kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH vào giảng dạy cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về PCCC và CNCH cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc chủ động phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến,

giáo dục pháp luật, hướng dẫn kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục; tổ chức cho cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên ký cam kết không sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển và đốt các loại pháo, đốt thả đèn trời. Lồng ghép nội dung, kiến thức, kỹ năng PCCC và CNCH vào chương trình giảng dạy, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học.

- Tham mưu đề xuất, triển khai khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế về PCCC tại các cơ sở giáo dục, không để xảy ra cháy, nổ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức thành viên tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng với nội dung phù hợp, tổ chức đăng ký thi đua xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn, điển hình tiên tiến về PCCC gắn việc xây dựng phong trào “Toàn dân PCCC” với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” và các phong trào thi đua yêu nước khác của địa phương; đưa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kỹ năng về PCCC vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của các tổ chức thành viên từ tỉnh đến cơ sở, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của các tổ chức, đoàn thể.

7. Sở Nội vụ

Thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Toàn dân PCCC và CNCH" năm 2024.

8. UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về PCCC và CNCH trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật. Quan tâm đào tạo, xây dựng lực lượng, trang bị phương tiện, bảo đảm ngân sách cho hoạt động PCCC và CNCH. Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về PCCC và CNCH đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, khu dân cư, hộ gia đình. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm trong lĩnh vực PCCC và CNCH.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng, UBND cấp xã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC và CNCH gắn với hướng dẫn biện pháp đảm bảo an toàn PCCC, kỹ năng thoát nạn khi có cháy, tai nạn, sự cố xảy ra. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp tuyên truyền, lồng ghép trong các hoạt động văn hóa xã hội và trong sinh hoạt chi bộ thôn, bản, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; kết hợp tuyên truyền qua hệ thống phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh tại các khu dân cư với tuyên truyền lưu động trên các tuyến đường phố chính, khu vực đông dân cư, chợ,

trung tâm thương mại. Triển khai phát tờ rơi, phổ biến kiến thức về PCCC và CNCH tới hộ gia đình và tổ chức cho các hộ gia đình, hộ kinh doanh ký cam kết đảm bảo an toàn PCCC. Chỉ đạo xây dựng các mô hình điển hình tiên tiến trong phong trào “*Toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ*”; kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH; đẩy mạnh các hoạt động hưởng ứng Tháng an toàn PCCC lần thứ 29 (tháng 10 năm 2024), Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy lần thứ 23 (ngày 04 tháng 10 năm 2024).

- Tổ chức rà soát, nhân rộng mô hình “*Tổ liên gia an toàn PCCC*”, “*Điểm chữa cháy công cộng*” tại các khu dân cư theo đúng chỉ đạo của Bộ Công an. Bảo đảm ít nhất 80% hộ gia đình (trong đó 100% hộ gia đình có nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh) thuộc phạm vi quản lý được tiếp cận với nội dung, tài liệu, khuyến cáo, tờ rơi... hướng dẫn về an toàn PCCC trong hộ gia đình; mỗi hộ gia đình trang bị tối thiểu 01 bình chữa cháy; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH, trang bị phương tiện và duy trì hoạt động của lực lượng dân phòng theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào tình hình thực tế địa phương nghiên cứu xây dựng, nhân rộng và duy trì một số mô hình an toàn về PCCC như: “*Cụm cơ quan, doanh nghiệp an toàn PCCC*”, “*Chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về PCCC*”, “*Cụm dân cư an toàn PCCC*”, “*Trường học an toàn PCCC*”... đảm bảo thực chất, hiệu quả. Tham mưu tổ chức tổ chức hội thi nghiệp vụ chữa cháy và CNCH “*Tổ liên gia an toàn PCCC*” năm 2024; UBND thành phố Sơn La tiến hành tổ chức Hội thao nghiệp vụ chữa cháy và CNCH của lực lượng PCCC cơ sở, dân phòng trên địa bàn thành phố năm 2024.

9. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ PCCC và CNCH tại cơ quan, đơn vị, cơ sở theo quy định của pháp luật; đảm bảo duy trì các điều kiện an toàn PCCC và CNCH; thường xuyên chỉ đạo tự kiểm tra chấn chỉnh công tác PCCC, kịp thời phát hiện, khắc phục ngay những tồn tại, thiếu sót gây mất an toàn về PCCC thuộc phạm vi quản lý của mình; chủ động xây dựng và thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH theo quy định của pháp luật; sẵn sàng lực lượng, phương tiện đáp ứng khả năng xử lý khi có tình huống sự cố cháy, nổ, tai nạn xảy ra.

- Chủ động làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về PCCC và CNCH cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thấy rõ trách nhiệm, tự giác chấp hành pháp luật PCCC và CNCH, tích cực, chủ động tham gia phong trào thi đua; thành lập, củng cố, huấn luyện nghiệp vụ và duy trì có hiệu quả hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

- Tất cả các cơ quan, đơn vị, cơ sở thuộc diện quản lý nhà nước về PCCC và CNCH xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua; tổ chức tốt các hoạt

động hưởng ứng Tháng an toàn PCCC lần thứ 29 (*tháng 10 năm 2024*), Ngày toàn dân phòng cháy, chữa cháy lần thứ 23 (*ngày 04 tháng 10 năm 2024*).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 509/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại, thẩm định,
công nhận, xác nhận cơ quan, đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

*Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma
túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số
1452/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3122/2010/QĐ-BCA ngày 09 tháng 8 năm 2010 của
Bộ Công an ban hành tiêu chí phân loại và mức hỗ trợ kinh phí cho xã, phường,
thị trấn trọng điểm về tệ nạn ma túy trong chương trình mục tiêu quốc gia về
phòng, chống ma túy; Quyết định số 5026/QĐ-BCA-C04 ngày 05 tháng 7 năm
2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt Dự án “Giải quyết điểm, tụ điểm và
chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy tại xã, phường, thị trấn”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của
HĐND tỉnh về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh
Sơn La đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của
UBND tỉnh ban hành Đề án chuyển hóa, xây dựng xã, phường, thị trấn không có
ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 103/TTr-CAT-
PTM ngày 15 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận, xác nhận cơ quan, đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (có tiêu chí và quy trình kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận cơ

quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy.

2. Giao Công an tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố triển khai, thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHÍ VÀ QUY TRÌNH

**Đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận,
xác nhận cơ quan, đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy**
(Kèm theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 của UBND tỉnh)

Phần I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về tiêu chí và quy trình đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận, xác nhận mức độ liên quan đến ma túy của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Đối tượng đánh giá, phân loại, thẩm định và mức độ liên quan đến ma túy được quyết định công nhận

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã có con dấu riêng, có tư cách pháp nhân (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị)

a) Có ma túy.

b) Không có ma túy.

2. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố

a) Trọng điểm về ma túy.

b) Có ma túy ít phức tạp.

c) Sạch ma túy.

d) Không có ma túy.

3. Xã, phường, thị trấn

a) Trọng điểm loại I về ma túy.

b) Trọng điểm loại II về ma túy.

c) Trọng điểm loại III về ma túy.

d) Có ma túy ít phức tạp.

đ) Sạch ma túy.

e) Không có ma túy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy là người có hành vi sử dụng chất ma túy mà không được sự cho phép của người hoặc cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính (khoản 10 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

2. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của họ. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý hành chính (khoản 1 Điều 23 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

3. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm thứ ba trong thời hạn 06 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng (Điều 89 và khoản 5 Điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; điểm đ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn).

4. Quản lý tại gia đình người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy khi có đủ các điều kiện theo quy định (khoản 1 Điều 140 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Điều 6 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn).

5. Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này (khoản 12 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

6. Cai nghiện ma túy là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này (khoản 12 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

7. Các biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm cai nghiện ma túy tự nguyện và cai nghiện ma túy bắt buộc. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy; biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

8. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy là biện pháp làm giảm tác hại liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho bản thân, gia đình và cộng đồng. Biện pháp can thiệp giảm tác hại đối với người sử dụng trái phép chất ma túy và người nghiện ma túy bao gồm: điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; các biện pháp khác theo quy định của Chính phủ (Điều 41 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

9. Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế là trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác định nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại UBND cấp xã nơi người đó cư trú. Trường hợp, người không có nơi cư trú ổn định thì đăng ký tại UBND cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và thực hiện việc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền (khoản 1 Điều 28 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử phạt vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

10. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là việc người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, sự phối hợp, trợ giúp của gia đình, cộng đồng và chịu sự quản lý của UBND cấp xã (khoản 1 Điều 30 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

11. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy là việc người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên có nhu cầu cai nghiện ma túy được tiếp nhận cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện (Điều 31 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; khoản 1 Điều 35 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử phạt vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

12. Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để chữa bệnh, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đối với người từ 12 đến dưới 18 tuổi đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc không phải là biện pháp xử lý hành chính (Điều 95, Điều 96 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Điều 32, Điều 33 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

13. Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú là biện pháp hỗ trợ người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, người đã hoàn thành điều trị nghiện các

chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phòng, chống tái nghiện, hòa nhập cộng đồng do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật (Điều 40 Luật Phòng, chống ma túy 2021; khoản 9 Điều 3 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

14. Tái nghiện là trường hợp người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc hoặc kết thúc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế có hành vi sử dụng ma túy trái phép, được cơ quan có thẩm quyền xác định là nghiện ma túy (khoản 6 Điều 3 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP).

15. Tệ nạn ma túy là việc sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khoản 8 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

16. Tội phạm về ma túy là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm chế độ thống nhất quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy và các loại thuốc gây nghiện, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân mà theo quy định của Bộ luật Hình sự phải bị xử lý hình sự. Tội phạm về ma túy được quy định tại Chương XX từ Điều 247 đến Điều 259 của Bộ luật Hình sự (Điều 8 và Chương XX Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017).

17. Trồng cây có chứa chất ma túy là việc trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định (Điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017; khoản 6 Điều 2 Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

18. Điểm phức tạp về ma túy là địa điểm cụ thể (khu vực công cộng như: góc vườn hoa, công viên, khu nhà hoang, khu đất trống, góc nghĩa trang, gầm cầu; địa điểm cụ thể như vũ trường, quán bar, pub, lounge, hát cho nhau nghe, câu lạc bộ, nhà hàng có sử dụng nhạc mạnh, karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, resort, homestay, căn hộ, nhà riêng...) hoặc địa điểm di động (phương tiện di chuyển như: tàu, thuyền, ô tô...) thường xuyên có nhiều người đến mua ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Tại đây có dấu hiệu hoạt động của tội phạm hoặc tệ nạn ma túy. Điểm phức tạp về ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (Hướng dẫn số 689/HD-C04 ngày 21 tháng 02 năm 2023 Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an).

19. Tụ điểm phức tạp về ma túy là địa điểm, khu vực cụ thể không phụ thuộc vào địa giới hành chính (khu dân cư, tổ, dân phố, thôn, bản... hoặc tương đương) hoặc điểm di động, thường xuyên tập trung đông người đến mua hoặc sử dụng trái

phép chất ma túy. Tại đây, có dấu hiệu hoạt động của tội phạm có tổ chức về mua bán hoặc tổ chức, chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tụ điểm phức tạp về ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (Hướng dẫn số 689/HD-C04 ngày 21 tháng 02 năm 2023).

20. Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy là địa điểm, khu vực cụ thể có các yếu tố, điều kiện, khả năng dễ phát sinh thành điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy. Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (Hướng dẫn số 689/HD-C04 ngày 21 tháng 02 năm 2023).

21. Đối tượng bán lẻ trái phép chất ma túy là con người cụ thể có hoạt động bán lẻ trái phép chất ma túy cho người khác. Đối tượng bán lẻ trái phép chất ma túy do lực lượng Công an xác định theo hướng dẫn của Bộ Công an (Hướng dẫn số 689/HD-C04 ngày 21 tháng 02 năm 2023).

Phần II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI

Điều 4. Điều kiện, tiêu chí đánh giá, phân loại

1. Điều kiện để xét đánh giá, phân loại, thẩm định cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy

Cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn bảo đảm đầy đủ hồ sơ, tài liệu về các mặt công tác phòng, chống ma túy phục vụ đánh giá, phân loại, thẩm định, gồm:

a) Hồ sơ, tài liệu tổ chức quán triệt, tuyên truyền, giao chỉ tiêu, ký cam kết và triển khai, thực hiện công tác phòng, chống ma túy.

b) Hồ sơ, tài liệu quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; người bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; quản lý tại gia đình do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (nếu có).

c) Hồ sơ, tài liệu quản lý người nghiện ma túy, người được áp dụng các biện pháp cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (nếu có).

d) Hồ sơ, tài liệu quản lý người sau cai nghiện ma túy (nếu có).

đ) Hồ sơ, tài liệu quản lý người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (nếu có).

e) Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý người vi phạm pháp luật về ma túy (nếu có).

g) Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý tội phạm về ma túy (nếu có).

h) Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, triệt xóa diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (nếu có).

i) Hồ sơ, tài liệu về người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy được phát hiện, quản lý và tổ chức phòng ngừa, đấu tranh (nếu có).

2. Tiêu chí đánh giá, phân loại, thẩm định cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy

a) Người sử dụng trái phép chất ma túy (tại thời điểm thẩm định).

b) Người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).

c) Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (tại thời điểm thẩm định).

d) Người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị phát hiện, xử lý (trong năm thẩm định).

đ) Tội phạm về ma túy (trong năm thẩm định).

e) Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định).

g) Đối tượng bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

h) Công tác quản lý, đấu tranh, xử lý, triệt xóa tệ nạn, tội phạm ma túy (trong năm thẩm định).

3. Các trường hợp không đưa vào tiêu chí đánh giá

a) Tiêu chí người sử dụng trái phép chất ma túy (số liệu tính tại thời điểm thẩm định)

- Đã hoàn thành thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn quản lý tại gia đình, chấp hành tốt và được UBND xã, phường, thị trấn quyết định đưa ra khỏi danh sách quản lý.

- Đang được áp dụng biện pháp cách ly khỏi cộng đồng: đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù.

- Không còn có mặt trên địa bàn: chết; Tòa án tuyên bố là mất tích; chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

b) Tiêu chí người nghiện ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)

- Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện tại cơ sở cai nghiện: cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện; cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo Quyết định của Tòa án.

- Đang được áp dụng biện pháp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, đã tham gia quy trình điều trị được ít nhất 12 tháng sau khi đã đạt liệu điều trị duy trì, chấp hành tốt và tuân thủ các quy định trong điều trị, không sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đang được áp dụng biện pháp cách ly khỏi cộng đồng: đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù.

- Không còn có mặt trên địa bàn: chết; Tòa án tuyên bố là mất tích; chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

c) Tiêu chí người quản lý sau cai nghiện (số liệu tại thời điểm thẩm định)

- Đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định của UBND xã, phường, thị trấn; chấp hành tốt các quy định, không sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đã hoàn thành thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định của UBND xã, phường, thị trấn, không sử dụng trái phép chất ma túy, không tái nghiện và được đưa ra khỏi danh sách quản lý.

d) Tiêu chí người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)

- Đã được áp dụng biện pháp, quy trình điều trị, không còn biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy và được đưa ra khỏi danh sách quản lý.

- Đang được áp dụng biện pháp cách ly khỏi cộng đồng: đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù.

- Không còn có mặt trên địa bàn: chết; Tòa án tuyên bố là mất tích; chuyển đến cư trú ở địa phương khác.

đ) Người bị xóa đăng ký thường trú, xóa đăng ký tạm trú theo Luật Cư trú (vắng mặt liên tục tại nơi thường trú từ 12 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác, không khai báo tạm vắng; vắng mặt liên tục tại nơi tạm trú từ 06 tháng trở lên mà không đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác) sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, loạn thần, ngáo đá về ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy, phạm tội về ma túy, bị truy nã do phạm tội về ma túy tại huyện, thành phố khác.

- Người thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú do đi làm ăn tại các tỉnh, thành phố khác (có xác nhận của Công an cấp xã và đại diện gia đình) sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, loạn thần, ngáo đá về ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy, phạm tội về ma túy, bị truy nã do phạm tội về ma túy tại tỉnh, thành phố khác.

- Người vắng mặt liên tục từ 12 tháng trở lên tại nơi thường trú hoặc 06 tháng trở lên tại nơi tạm trú (có xác nhận của Công an cấp xã và đại diện gia đình) sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, loạn thần, ngáo đá về ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy, phạm tội về ma túy, bị truy nã do phạm tội về ma túy tại huyện, thành phố khác.

e) Người có địa chỉ cư trú ở địa phương khác sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, loạn thần, ngáo đá về ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy, phạm

tội về ma túy, truy nã do phạm tội về ma túy bị phát hiện, xử lý tại địa phương (tiêu chí này tính cho địa phương nơi người đó cư trú).

Điều 5. Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã...

1. Cơ quan, đơn vị được xác nhận là có ma túy khi có một trong các tiêu chí sau:

- a) Có người sử dụng trái phép chất ma túy (tại thời điểm thẩm định).
- b) Có người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).
- c) Có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (trong năm thẩm định).
- d) Có người phạm tội về ma túy, người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (trong năm thẩm định).
- đ) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định).

e) Có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

2. Cơ quan, đơn vị được công nhận không có ma túy khi đồng thời đạt các tiêu chí sau:

- a) Không có người sử dụng trái phép chất ma túy (tại thời điểm thẩm định).
- b) Không có người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).
- c) Không có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (trong năm thẩm định).
- d) Không có người phạm tội về ma túy, người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (trong năm thẩm định).
- đ) Không có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định).
- e) Không có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

Điều 6. Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố

1. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được xác nhận là trọng điểm về ma túy khi có một trong các tiêu chí sau:

- a) Có từ 04 người nghiện ma túy trở lên (tại thời điểm thẩm định).
- b) Có từ 03 người phạm tội về ma túy hoặc người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn trở lên (trong năm thẩm định).

c) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định).

d) Có điểm phức tạp về ma túy hoặc có tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

2. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được xác nhận là có ma túy ít phức tạp khi có một trong các tiêu chí sau:

a) Có người sử dụng trái phép chất ma túy (tại thời điểm thẩm định).

b) Có người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).

c) Có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (tại thời điểm thẩm định).

d) Có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (trong năm thẩm định).

đ) Có người phạm tội về ma túy hoặc người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (trong năm thẩm định).

e) Có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

3. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được công nhận là sạch ma túy khi đạt đồng thời các tiêu chí của địa bàn có ma túy ít phức tạp tại khoản 2 điều này và các tiêu chí sau:

a) 100% người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn được lập hồ sơ quản lý, theo dõi, giám sát chặt chẽ theo quy định pháp luật; đồng thời kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy (mỗi lần xét nghiệm cách nhau tối thiểu 30 ngày và lần xét nghiệm gần nhất cách thời điểm thẩm định không quá 30 ngày).

b) 100% người nghiện ma túy trên địa bàn có hồ sơ quản lý và đang tham gia các hình thức cai nghiện/điều trị nghiện phù hợp; 100% người nghiện ma túy đang tham gia cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế được quản lý, theo dõi, giám sát chặt chẽ đồng thời kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy (trừ chất ma túy thay thế: methadone, Buprenorphine...) (mỗi lần xét nghiệm cách nhau tối thiểu 30 ngày và lần xét nghiệm gần nhất cách thời điểm thẩm định không quá 30 ngày).

c) 100% người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy có hồ sơ quản lý (tại thời điểm thẩm định).

d) 100% người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự có nơi cư trú tại địa bàn đã bị các lực lượng chức năng bắt giữ, xử lý trong năm thẩm định và tại thời điểm thẩm định đã ít nhất 3 tháng không phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về ma túy do công dân địa bàn thực hiện.

đ) 100% người phạm tội về ma túy có nơi cư trú tại địa bàn đã bị các lực lượng chức năng bắt giữ, xử lý trong năm thẩm định và tại thời điểm thẩm định đã ít nhất 3 tháng không phát sinh tội phạm về ma túy do công dân địa bàn thực hiện.

100% người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn bị các lực lượng chức năng phát hiện, bắt giữ trong năm thẩm định.

e) 100% đối tượng bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm nguy cơ phức tạp về ma túy đã được các lực lượng chức năng đấu tranh, triệt xóa, thanh loại và 3 tháng gần nhất không phát sinh mới.

4. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố được công nhận không có ma túy khi đồng thời đạt các tiêu chí sau:

a) Không có người sử dụng trái phép chất ma túy (tại thời điểm thẩm định).

b) Không có người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).

c) Không có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (trong năm thẩm định).

d) Không có người phạm tội về ma túy, người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (trong năm thẩm định).

đ) Không có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định).

e) Không có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

Điều 7. Tiêu chí đánh giá, phân loại đối với xã, phường, thị trấn

1. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là trọng điểm loại I về ma túy khi có một trong những tiêu chí sau:

a) Có từ 100 người nghiện ma túy trở lên (tại thời điểm thẩm định).

b) Tỷ lệ người phạm tội về ma túy so với dân số hiện tại của xã, phường, thị trấn từ 0,5% trở lên (trong năm thẩm định).

c) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy từ 2.000 m² trở lên hoặc số lượng từ 3.000 cây trở lên (trong năm thẩm định).

d) Có từ 5 điểm phức tạp về ma túy hoặc tụ điểm phức tạp về ma túy trở lên (trong năm thẩm định).

đ) Có ít nhất 1 trong các tiêu chí xã, phường, thị trấn trọng điểm loại II và nằm trên tuyến trọng điểm về buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, có nhiều đường giao thông huyết mạch (trong năm thẩm định).

2. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là trọng điểm loại II về ma túy khi có một trong những tiêu chí sau:

a) Có từ 60 người nghiện đến dưới 100 người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).

b) Tỷ lệ người phạm tội về ma túy so với dân số hiện tại của xã, phường, thị trấn từ 0,3% đến dưới 0,5% (trong năm thẩm định).

c) Có diện tích trồng cây có chất ma túy từ 1.000m² đến dưới 2.000m² hoặc số lượng từ 500 đến dưới 3.000 cây (trong năm thẩm định).

d) Có từ 3 đến 4 điểm phức tạp về ma túy hoặc tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

đ) Có ít nhất 01 trong các tiêu chí xã, phường, thị trấn trọng điểm loại III và nằm trên tuyến trọng điểm về buôn bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, có nhiều đường giao thông huyết mạch (trong năm thẩm định).

3. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là trọng điểm loại III về ma túy khi có một trong những tiêu chí sau:

a) Có từ 20 người đến dưới 60 người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).

b) Tỷ lệ người phạm tội về ma túy so với dân số tại xã, phường, thị trấn từ 0,1% đến dưới 0,3% (trong năm thẩm định).

c) Có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy dưới 1.000m² hoặc số lượng dưới 500 cây (trong năm thẩm định).

d) Có từ 1 đến 2 điểm phức tạp về ma túy hoặc tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

4. Xã, phường, thị trấn được xác nhận là có ma túy ít phức tạp khi có một trong các tiêu chí sau:

a) Có người sử dụng trái phép chất ma túy (tại thời điểm thẩm định).

b) Có người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).

c) Có người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (tại thời điểm thẩm định).

đ) Có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (trong năm thẩm định).

d) Có người phạm tội về ma túy; người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (trong năm thẩm định).

đ) Có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy hoặc có điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

5. Xã, phường, thị trấn được công nhận là sạch ma túy khi đạt đồng thời các tiêu chí của địa bàn có ma túy ít phức tạp tại khoản 4 điều này và các tiêu chí sau:

a) 100% người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn được lập hồ sơ quản lý, theo dõi, giám sát chặt chẽ theo quy định pháp luật; đồng thời kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy (mỗi

lần xét nghiệm cách nhau tối thiểu 30 ngày và lần xét nghiệm gần nhất cách thời điểm thẩm định không quá 30 ngày).

b) 100% người nghiện ma túy trên địa bàn có hồ sơ quản lý và đang tham gia các hình thức cai nghiện/điều trị nghiện phù hợp; 100% người nghiện ma túy đang tham gia cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế được quản lý, theo dõi, giám sát chặt chẽ đồng thời kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy (trừ chất ma túy thay thế: methadone, Buprenorphine...) (mỗi lần xét nghiệm cách nhau tối thiểu 30 ngày và lần xét nghiệm gần nhất cách thời điểm thẩm định không quá 30 ngày).

c) 100% người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy có hồ sơ quản lý (tại thời điểm thẩm định).

d) Trực tiếp phát hiện, ngăn chặn, xử lý 100% người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự cư trú tại địa bàn trong năm thẩm định và tại thời điểm thẩm định đã ít nhất 3 tháng không phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về ma túy do công dân địa bàn thực hiện.

đ) Trực tiếp bắt giữ 100% người phạm tội về ma túy có nơi cư trú tại địa bàn thông qua áp dụng các biện pháp, đối sách quản lý, đấu tranh trong năm thẩm định và tại thời điểm thẩm định đã ít nhất 3 tháng không phát sinh tội phạm về ma túy do công dân địa bàn thực hiện.

Trực tiếp phát hiện, bắt giữ 100% người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (trong năm thẩm định).

e) 100% người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy trong năm thẩm định được đấu tranh, xử lý và tại thời điểm thẩm định đã ít nhất 3 tháng không phát sinh người bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy.

6. Xã, phường, thị trấn được công nhận không có ma túy khi đồng thời đạt các tiêu chí sau:

a) Không có người sử dụng trái phép chất ma túy (tại thời điểm thẩm định).

b) Không có người nghiện ma túy (tại thời điểm thẩm định).

c) Không có người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (trong năm thẩm định).

d) Không có người phạm tội về ma túy; người bị truy nã do phạm tội về ma túy lẫn trốn trên địa bàn (trong năm thẩm định).

đ) Không có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy, số lượng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định).

e) Không có người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy (trong năm thẩm định).

Điều 8. Cách xác định kết quả phân loại địa bàn năm trước đối với các xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố được sáp nhập theo Nghị quyết của Quốc hội hoặc HĐND tỉnh

Đối với các xã; phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố được sáp nhập theo Nghị quyết của Quốc hội hoặc HĐND tỉnh, kết quả phân loại năm trước sáp nhập được tính theo địa bàn trước khi sáp nhập có mức độ phức tạp về ma túy cao nhất.

Phần III **NHIỆM VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ VÀ** **QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI, THẨM ĐỊNH**

Điều 9. Nhiệm vụ của các đơn vị cấp tỉnh có liên quan

1. Công an tỉnh

a) Tham mưu Quyết định thành lập các Đoàn công tác cấp tỉnh thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (sau đây gọi tắt là Đoàn công tác cấp tỉnh).

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương chuẩn bị tài liệu, biểu mẫu tổng hợp phục vụ công tác thẩm định, phân loại.

c) Chủ trì, phối hợp với các Đoàn công tác cấp tỉnh giúp UBND tỉnh đơn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy.

d) Tổng hợp kết quả thẩm định của các Đoàn công tác cấp tỉnh; khó khăn vướng mắc, kiến nghị và đánh giá, nhận xét quy trình thẩm định của các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh.

đ) Tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận đơn vị, địa bàn không có ma túy; đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng, mức độ theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Các Đoàn thẩm định cấp tỉnh

a) Phối hợp với Công an tỉnh giúp UBND tỉnh đơn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy, đối với:

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Trường Đại học Tây Bắc.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả, quy trình thẩm định, phân loại của các đơn vị theo phân công và một số đơn vị trực thuộc những đơn vị này. Trưởng Đoàn công tác lập biên bản thẩm định (mẫu B1) đối với từng đơn vị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thẩm định của mình.

c) Sau khi hoàn thành thẩm định tại các đơn vị được phân công, Trưởng Đoàn công tác tổng hợp kết quả, hồ sơ thẩm định báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Phòng Tham mưu Công an tỉnh), hồ sơ gồm:

- Biên bản thẩm định mẫu B1 của Đoàn;
- Báo cáo kết quả thẩm định của Đoàn (tổng hợp, đánh giá kết quả, quy trình thẩm định của các đơn vị, địa bàn được phân công; kiến nghị, đề xuất...);
- Báo cáo kết quả công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy mẫu BC01 trong năm thẩm định của đơn vị, địa bàn được phân công;
- Tờ trình, Phụ lục đề nghị công nhận đơn vị, địa bàn không có ma túy, xác nhận đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy của đơn vị, địa bàn được phân công.

Điều 10. Nhiệm vụ của các huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ban hành Kế hoạch thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc cấp quản lý.

b) Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định) cấp huyện do đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện phụ trách văn hóa, xã hội làm Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng gồm: lãnh đạo các đơn vị: Văn phòng UBND, Công an, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ và một số thành phần khác do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định. Mời: Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cấp huyện tham gia.

c) Ban hành Quyết định thành lập các Đoàn thẩm định cấp huyện thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (sau đây gọi tắt là Đoàn công tác cấp huyện), số lượng đoàn công tác do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

d) Chỉ đạo tổ chức rà soát thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc quyền quản lý.

đ) Báo cáo kết quả phòng, chống, kiểm soát ma túy, chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy (theo Đề cương BC 01) gửi Chủ tịch UBND tỉnh (qua Công an tỉnh để tổng hợp).

e) Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận các đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng, mức độ theo quy định tại Điều 2 văn bản này. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả rà soát, thẩm định, phân loại của cấp huyện.

2. Công an cấp huyện

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp các biểu mẫu, tài liệu rà soát, đánh giá, phân loại cho các Đoàn công tác và Hội đồng thẩm định cấp huyện (danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; danh sách người thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; danh sách người phạm tội về ma túy; danh sách địa bàn có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy; số liệu người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy chưa xác minh, kết luận, điểm có nguy cơ phức tạp, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy...) trước khi các Đoàn công tác cấp huyện tiến hành thẩm định tại các đơn vị, địa bàn; đồng thời gửi Công an tỉnh phục vụ theo dõi, kiểm tra.

b) Chủ trì, phối hợp với các Đoàn công tác cấp huyện giúp Chủ tịch UBND cấp huyện đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai, thực hiện công tác rà soát, thẩm định, phân loại các đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy.

c) Chủ trì tham mưu giúp Hội đồng thẩm định cấp huyện tổng hợp kết quả thẩm định của các Đoàn công tác cấp huyện.

3. Đoàn thẩm định cấp huyện

a) Phối hợp với Công an cấp huyện tham mưu giúp UBND cấp huyện đôn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy, đối với:

- Các xã, phường, thị trấn;
- Đơn vị trực thuộc cấp huyện;
- Các đơn vị thuộc bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn;
- Các đơn vị trực thuộc tỉnh có trụ sở tại địa bàn huyện (đối với các đơn vị trực thuộc tỉnh có trụ sở tại thành phố Sơn La do đơn vị cấp tỉnh trực tiếp quản lý thẩm định);
- Các doanh nghiệp đóng trên địa bàn không thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh quản lý.

b) Trực tiếp thẩm định kết quả và quy trình đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy của các đơn vị, địa bàn được phân công và một số đơn vị, địa bàn trực thuộc các đơn vị này: Căn cứ Biên bản tự đánh giá, phân loại (mẫu A); các danh sách, tài liệu và thực tế công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy, Trưởng Đoàn công tác cấp huyện lập Biên bản thẩm định (mẫu B1) và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả thẩm định của Đoàn mình.

c) Sau khi hoàn thành thẩm định tại các đơn vị được phân công, Trưởng Đoàn công tác tổng hợp kết quả, gửi hồ sơ, tài liệu thẩm định về Hội đồng thẩm định cấp huyện (qua Công an cấp huyện), hồ sơ gồm:

- Biên bản thẩm định mẫu B1 của Đoàn công tác cấp huyện.
- Báo cáo kết quả thẩm định của Đoàn (tổng hợp, đánh giá kết quả, quy trình thẩm định của các đơn vị, địa bàn được phân công; kiến nghị, đề xuất...);
- Báo cáo kết quả công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy mẫu BC 01 trong năm thẩm định của đơn vị, địa bàn được phân công;
- Tờ trình, Phụ lục đề nghị công nhận đơn vị, địa bàn không có ma túy, xác nhận đơn vị, địa bàn có ma túy của đơn vị, địa bàn được phân công.

4. Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp huyện

a) Tham mưu với Chủ tịch UBND cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy trong năm thẩm định gửi Công an tỉnh (theo Đề cương báo cáo BC 01).

b) Tổ chức họp thành viên Hội đồng thẩm định

Trên cơ sở kết quả công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy; Biên bản tự đánh giá, phân loại của từng đơn vị, địa bàn cấp xã (mẫu A) và kết quả thẩm định thực tế của các Đoàn công tác cấp huyện (mẫu B1), Hội đồng thẩm định cấp huyện lập Biên bản thẩm định (mẫu B2) xác định từng cơ quan, đơn vị, địa bàn cấp xã đó được phân loại ở mức độ nào (có thể lập chung 01 biên bản mẫu B2 đối với các cơ quan, đơn vị không có ma túy, kèm theo danh sách các cơ quan, đơn vị đó).

c) Tham mưu với Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành

- Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy mẫu BC 02 báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Công an tỉnh);

- Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận các cơ quan, đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các cơ quan, đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quy định này (qua Phòng Tham mưu Công an tỉnh và Đoàn công tác cấp tỉnh phụ trách);

- Tài liệu gửi theo Tờ trình gồm:

+ Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy trong năm thẩm định (theo Đề cương báo cáo BC 01);

+ Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (theo Đề cương báo cáo BC 02) kèm theo biểu tổng hợp kết quả rà soát, thẩm định, phân loại địa bàn liên quan đến ma túy (Phụ lục IX)

+ Danh sách đề nghị công nhận cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn không có ma túy, có ma túy, trọng điểm về ma túy (theo Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII).

Điều 11. Nhiệm vụ của xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)**1. Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Ban hành Kế hoạch thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc quyền quản lý.

b) Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp xã do đồng chí Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng; Thành viên gồm: Lãnh đạo các đơn vị: Công an, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá, và một số thành phần khác. Mời: Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã tham gia.

c) Ban hành Quyết định thành lập các Tổ thẩm định cấp xã đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định cấp xã), mỗi Tổ do 01 thành viên Hội đồng thẩm định cấp xã làm Tổ trưởng và từ 2 đến 3 cán bộ cấp xã làm thành viên. Số lượng Tổ thẩm định do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

d) Chỉ đạo tổ chức rà soát thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc cấp quản lý.

đ) Báo cáo kết quả phòng, chống, kiểm soát ma túy, chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy (theo Đề cương báo cáo BC 01); Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (theo Đề cương báo cáo BC 02) gửi Chủ tịch UBND cấp huyện (qua Công an cấp huyện để tổng hợp). Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả rà soát, thẩm định, phân loại của cấp xã.

e) Tờ trình đề nghị công nhận các đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Công an cấp xã

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp tài liệu phục vụ rà soát, đánh giá, phân loại cho các Tổ thẩm định và Hội đồng thẩm định cấp xã (danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; danh sách người thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; danh sách người phạm tội về ma túy; danh sách địa bàn có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy; số liệu người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy chưa xác minh, kết luận, điểm có nguy cơ phức tạp, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy...) trước khi các Đoàn công tác cấp xã thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị, địa bàn; đồng thời gửi Công an cấp huyện phục vụ theo dõi, kiểm tra.

b) Chủ trì, phối hợp với các Tổ thẩm định cấp xã giúp Chủ tịch UBND cấp xã theo dõi, đôn đốc việc triển khai, thực hiện công tác rà soát, đánh giá, phân loại các đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy thuộc chức năng, nhiệm vụ của xã.

c) Chủ trì tham mưu giúp Hội đồng thẩm định cấp xã tổng hợp kết quả thẩm định của các Tổ thẩm định cấp xã.

3. Tổ thẩm định cấp xã

a) Phối hợp với Công an cấp xã tham mưu giúp UBND cấp xã đơn đốc, hướng dẫn việc rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy đối với:

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố;
- Trạm Y tế;
- Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã;
- Các hợp tác xã có trụ sở trên địa bàn xã.

b) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị, địa bàn được phân công tổ chức họp và lập Biên bản tự đánh giá, phân loại theo mẫu A (đối với cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã), Biên bản họp dân theo mẫu B3 (đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố). Tổ thẩm định tham gia trực tiếp vào các cuộc họp tự đánh giá của các đơn vị, địa bàn được phân công.

c) Sau khi hoàn thành công tác đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy tại các đơn vị, địa bàn được phân công, Tổ trưởng Tổ thẩm định tổng hợp kết quả, gửi hồ sơ, tài liệu về Hội đồng thẩm định cấp xã (qua Công an cấp xã), hồ sơ gồm:

- Báo cáo tổng hợp, đánh giá kết quả, quy trình thẩm định của các đơn vị, địa bàn được phân công; kiến nghị, đề xuất...;
- Biên bản tự đánh giá, phân loại theo mẫu A (đối với cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã);
- Biên bản họp dân theo mẫu B3 (đối với bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố).

4. Hội đồng thẩm định cấp xã

a) Tham mưu với Chủ tịch UBND cấp xã xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyên hóa, xây dựng địa bàn không ma túy của xã trong năm gửi Công an cấp huyện (theo Đề cương báo cáo BC01).

b) Tổ chức họp Hội đồng thẩm định

Trên cơ sở kết quả công tác phòng, chống ma túy, chuyên hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy; Biên bản tự đánh giá, phân loại của từng cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã (mẫu A), Biên bản họp dân của từng bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố (mẫu B3) và kết quả theo dõi, kiểm tra của các Tổ thẩm định cấp xã; Hội đồng thẩm định cấp xã lập biên bản thẩm định của cấp xã (mẫu B2) xác định đơn vị, địa bàn đó đạt tiêu chuẩn liên quan đến ma túy ở mức độ nào (có thể lập chung 01 biên bản mẫu B2 đối với các cơ quan, đơn vị không có ma túy, kèm theo danh sách các cơ quan, đơn vị đó).

c) Căn cứ kết quả phân loại của các đơn vị, địa bàn và kết quả công tác phòng, chống ma túy của xã, Hội đồng thẩm định cấp xã lập biên bản tự đánh giá, phân loại cho xã (mẫu A).

d) Tham mưu với Chủ tịch UBND cấp xã ban hành

- Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy mẫu BC 02 gửi Chủ tịch UBND cấp huyện (qua Công an cấp huyện);

- Tờ trình đề nghị công nhận các đơn vị, địa bàn không có ma túy và xác nhận các đơn vị, địa bàn có ma túy phù hợp với các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Quy định này, gửi Hội đồng thẩm định cấp huyện (qua Công an cấp và Đoàn công tác cấp huyện phụ trách);

- Tài liệu gửi theo Tờ trình gồm:

+ Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không ma túy của xã, phường, thị trấn trong năm (theo Đề cương báo cáo BC 01);

+ Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (theo Đề cương báo cáo BC 02).

+ Phụ lục tương ứng kèm theo.

Điều 12. Nhiệm vụ của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố

1. Trưởng bản (trưởng thôn, trưởng xóm, tiểu khu trưởng, tổ trưởng tổ dân phố) chủ trì tổ chức họp dân đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy của địa bàn. Thành phần: Trưởng Ban công tác Mặt trận Tổ quốc; Trưởng các chi hội, tổ chức chính trị xã hội; đại diện các hộ gia đình. Mời Bí thư chi bộ (đối với địa bàn chưa họp nhất chức danh Bí thư chi bộ và Trưởng bản) và Tổ thẩm định cấp xã phụ trách tham gia.

2. Nội dung cuộc họp

a) Quán triệt các nội dung, quy trình đánh giá, phân loại địa bàn liên quan đến ma túy.

b) Đánh giá kết quả thực hiện công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy trong năm của địa bàn (có báo cáo kết quả riêng hoặc thể hiện kết quả thực hiện công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong năm tại Biên bản mẫu B3)

c) Rà soát, lập danh sách người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy có hồ sơ quản lý; danh người thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; danh sách người phạm tội về ma túy; danh sách địa bàn có diện tích trồng cây có chứa chất ma túy.

d) Tổng hợp ý kiến của Nhân dân đối với từng tiêu chí đánh giá vào biên bản họp dân (mẫu B3).

3. Gửi hồ sơ, biên bản tới Hội đồng thẩm định cấp xã (qua Tổ thẩm định cấp xã phụ trách). Hồ sơ gồm: Biên bản mẫu B3; danh sách các diện loại đối tượng; báo cáo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy trong năm của địa bàn (nếu có).

Điều 13. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (gồm: cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Sơn La) và cơ quan Huyện ủy, Thành ủy, UBND, HĐND cấp huyện

1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do 01 đồng chí lãnh đạo đơn vị làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng gồm: đại diện Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác của đơn vị. Mời lãnh đạo Đảng ủy, chi bộ đảng của đơn vị tham gia Hội đồng.

2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm

a) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc (trừ các đơn vị trực thuộc có trụ sở tại địa bàn các huyện; đối với các đơn vị trực thuộc này, đơn vị cấp trên quản lý hướng dẫn các đơn vị gửi hồ sơ đánh giá, thẩm định về UBND huyện nơi đặt trụ sở): Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm (mẫu BC01); tổ chức họp lãnh đạo, cán bộ chủ chốt và lập biên bản tự đánh giá, phân loại (mẫu A).

b) Tham mưu với Thủ trưởng đơn vị xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm của đơn vị (mẫu BC01).

c) Trên cơ sở kết quả công tác phòng, chống ma túy và biên bản tự đánh giá, phân loại của từng đơn vị trực thuộc, lập biên bản thẩm định, phân loại từng đơn vị trực thuộc đó đạt mức độ nào theo mẫu B2 (có thể lập chung 01 biên bản mẫu B2 đối với các đơn vị trực thuộc không có ma túy, kèm theo danh sách các đơn vị trực thuộc đó).

d) Căn cứ kết quả đánh giá, phân loại các đơn vị trực thuộc và công tác phòng, chống ma túy của đơn vị, tổ chức họp Hội đồng thẩm định tự đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy của đơn vị, lập biên bản tự đánh giá, phân loại cho đơn vị mình (mẫu A).

đ) Tổng hợp báo cáo kết quả tự đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy của đơn vị và kết quả phân loại đối với các đơn vị trực thuộc báo cáo cấp ủy và Thủ trưởng đơn vị.

e) Tham mưu với Thủ trưởng đơn vị báo cáo và Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận đơn vị không có ma túy hoặc xác nhận đơn vị có ma túy cho đơn vị và các đơn vị trực thuộc; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả rà soát, thẩm định, phân loại của đơn vị, các đơn vị trực thuộc. Tài liệu gửi theo Tờ trình gồm:

- Hồ sơ (Báo cáo, Tờ trình, danh sách đề nghị theo Phụ lục III, Phụ lục VI; biên bản tự đánh giá, phân loại mẫu A của đơn vị) gửi Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh tổng hợp (đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Sơn La) hoặc Hội đồng thẩm định cấp huyện (đối với cơ quan Huyện ủy, Thành ủy, UBND cấp huyện, HĐND cấp huyện).

- Hồ sơ (báo cáo, Tờ trình, danh sách đề nghị theo Phụ lục III, Phụ lục VI; biên bản tự đánh giá, phân loại mẫu A của đơn vị) của cơ quan Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và trường Đại học Tây Bắc gửi về Đoàn công tác cấp tỉnh được phân công đánh giá, thẩm định và Công an tỉnh đề theo dõi, lưu hồ sơ.

Điều 14. Nhiệm vụ của các doanh nghiệp, trạm y tế, hợp tác xã, cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị khác

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì tổ chức họp đơn vị. Thành phần: lãnh đạo đơn vị, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ; đại diện cán bộ, công nhân, viên chức.

2. Nội dung cuộc họp

a) Quán triệt các tiêu chí, quy trình đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy.

b) Đánh giá kết quả công tác phòng, chống ma túy trong năm của đơn vị (mẫu BC 01).

c) Lấy ý kiến của các thành phần tham gia cuộc họp đối với từng tiêu chí đánh giá; lập biên bản tự đánh giá, phân loại (mẫu A).

3. Gửi hồ sơ, biên bản (báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong năm mẫu BC 01 và biên bản tự đánh giá, phân loại theo mẫu A của đơn vị)

- Đơn vị trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh nộp hồ sơ về Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh (trừ các đơn vị có trụ sở tại địa bàn các huyện).

- Các đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định, phân loại của Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và trường Đại học Tây Bắc nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định của cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Các đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định, phân loại của UBND cấp huyện nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định cấp huyện nơi đặt trụ sở.

- Các đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định, phân loại của UBND cấp xã nộp hồ sơ về Hội đồng thẩm định cấp xã nơi đặt trụ sở.

- Các đơn vị trực thuộc Cơ quan Huyện ủy, Thành ủy, UBND cấp huyện, HĐND cấp huyện gửi hồ sơ về Hội đồng thẩm định của cơ quan cấp trên trực tiếp để tổng hợp chung (ví dụ: Phòng LĐTBXH gửi hồ sơ về Hội đồng thẩm định cơ quan UBND huyện; Văn phòng Huyện ủy, các Ban giúp việc Huyện ủy gửi hồ sơ về cơ quan Huyện ủy...)

Điều 15. Quy định về sử dụng dấu và kết luận của Hội đồng thẩm định, Đoàn công tác cấp tỉnh

1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Trưởng Đoàn công tác cấp tỉnh là lãnh đạo của đơn vị nào thì dùng dấu của đơn vị đó.

2. Trường hợp đơn vị thẩm định cấp trên xem xét và đưa ra kết luận khác với đề nghị của đơn vị được thẩm định, đánh giá thì phải có trách nhiệm thông báo cho đơn vị được thẩm định, đánh giá biết trước khi tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 16. Lưu trữ hồ sơ thẩm định

1. Công an xã, phường, thị trấn

- Các văn bản chỉ đạo, triển khai.

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không ma túy mẫu BC 01 của xã, phường, thị trấn trong năm;

- Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy mẫu BC 02 của xã, phường, thị trấn.

- Biên bản tự đánh giá, phân loại của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền thẩm định (mẫu A); tờ biên bản họp dân của các bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố và tương đương (mẫu B3).

- Biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp xã (mẫu B2).

- Tờ trình, Phụ lục đề nghị của cấp xã.

- Biên bản thẩm định của các Đoàn công tác cấp huyện (mẫu B1), Hội đồng thẩm định cấp huyện (mẫu B2) đối với địa bàn xã.

- Các tài liệu khác có liên quan: Tài liệu kiểm chứng số liệu, danh sách thống kê các đối tượng...

2. Công an huyện, thành phố

- Các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện của cấp huyện.

- Báo cáo kết quả công tác phòng, chống ma túy trong năm của huyện và các đơn vị, địa bàn cấp xã thuộc thẩm quyền thẩm định của cấp huyện.

- Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy của cấp huyện và địa bàn cấp xã.

- Tờ trình, Phụ lục đề nghị của cấp huyện.

- Biên bản tự đánh giá, phân loại mẫu A của cơ quan, đơn vị, địa bàn cấp xã; Tờ trình, Phụ lục đề nghị của cấp xã;

- Biên bản đánh giá, thẩm định của cấp huyện (mẫu B1, B2).

- Biên bản thẩm định của Đoàn công tác cấp tỉnh (mẫu B1).

- Các tài liệu khác có liên quan: Tài liệu kiểm chứng số liệu, danh sách thống kê các đối tượng...

3. Công an tỉnh

- Hồ sơ thẩm định của các Đoàn công tác cấp tỉnh (biên bản thẩm định mẫu B1; báo cáo kết quả thẩm định tại các đơn vị được phân công).

- Báo cáo công tác đấu tranh phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy mẫu BC01; Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy mẫu BC 02 của cấp huyện; tờ trình, phụ lục đề nghị của các huyện, thành phố, Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; trường Đại học Tây Bắc.

4. Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, trường Đại học Tây Bắc

- Báo cáo công tác đấu tranh phòng, chống ma túy mẫu BC 01, biên bản tự đánh giá (mẫu A), Tờ trình, Phụ lục đề nghị của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc.

- Biên bản thẩm định (mẫu B2) đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc.

- Biên bản thẩm định mẫu B1 của Đoàn công tác cấp tỉnh.

5. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; cơ quan Huyện ủy, Thành ủy, UBND cấp huyện, HĐND cấp huyện lưu hồ sơ của các đơn vị trực thuộc (Báo cáo công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng đơn vị không có ma túy BC 01; biên bản tự đánh giá, phân loại mẫu A; biên bản thẩm định mẫu B2 đối với các đơn vị trực thuộc).

Điều 17. Việc đánh giá, phân loại, thẩm định, công nhận cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy mỗi năm tổ chức thực hiện 01 lần vào cuối năm

1. Cơ quan, đơn vị hoàn thành công tác đánh giá, thẩm định, phân loại và gửi hồ sơ trước ngày 15 tháng 10 hằng năm (số liệu từ ngày 15 tháng 10 năm trước đến ngày 14 tháng 10 năm thẩm định).

2. Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố hoàn thành công tác đánh giá, thẩm định, phân loại và gửi hồ sơ trước ngày 15 tháng 10 hằng năm (số liệu từ ngày 15 tháng 10 năm trước đến ngày 14 tháng 10 năm thẩm định).

3. Cấp xã hoàn thành công tác đánh giá, thẩm định, phân loại và gửi hồ sơ trước ngày 20 tháng 10 hằng năm (số liệu từ ngày 15 năm 10 năm trước đến ngày 14 tháng 10 năm thẩm định).

4. Cấp huyện hoàn thành công tác đánh giá, thẩm định, phân loại và gửi hồ sơ trước ngày 30 tháng 10 hằng năm (số liệu từ ngày 15 tháng 10 năm trước đến ngày 14 tháng 10 năm thẩm định).

5. Cấp tỉnh hoàn thành công tác đánh giá, thẩm định, phân loại và gửi hồ sơ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm (số liệu từ ngày 15 tháng 10 năm trước đến ngày 14 tháng 10 năm thẩm định).

6. Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận đơn vị không có ma túy, xác nhận đơn vị có ma túy, trọng điểm về ma túy xong trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

(Các mẫu: Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống ma túy, chuyển hóa, xây dựng địa bàn không ma túy BC 01; Báo cáo kết quả công tác rà soát, thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy BC 02; Mẫu A, B1, B2, B3, Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX được ban hành kèm theo Quy định này).

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp kinh phí hỗ trợ cho xã, phường, thị trấn; thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố được quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn không có ma túy hằng năm theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 19. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các ngành liên quan chỉ đạo, thực hiện việc rà soát, thẩm định, phân loại và tổng hợp những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện báo cáo, đề xuất giải pháp để Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

BC01

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**Công tác phòng, chống ma túy; chuyển hóa, xây dựng
đơn vị, địa bàn không ma túy năm***(Phục vụ thẩm định, đánh giá đơn vị liên quan đến ma túy)***I. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC
PHÒNG, CHỐNG MA TÚY TRONG NĂM CỦA ĐƠN VỊ**

1. Tình hình liên quan đến đơn vị: tên gọi, địa chỉ, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ....

2. Tình hình liên quan đến tội phạm, tệ nạn ma túy: tại cơ quan, đơn vị hoặc tại chuyên đề, lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách.

II. KẾT QUẢ PHÒNG, CHỐNG VÀ KIỂM SOÁT MA TÚY**1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo****1.1. Công tác tham mưu**

1.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện: công tác quán triệt, triển khai các văn bản của cấp trên; ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ thành viên, chế độ hội họp, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo;...

2. Công tác phòng ngừa, đối sách giảm cung, giảm cầu về ma túy và công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân phòng, chống ma túy

3. Công tác rà soát, thống kê, lập danh sách, cập nhật, bổ sung thông tin, số hóa giao chỉ tiêu tổ chức quản lý, áp dụng biện pháp giảm cầu về ma túy đối với người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy; công tác cai nghiện, công tác điều trị nghiện bằng thuốc thay thế, quản lý sau cai nghiện (*các cơ quan, đơn vị báo cáo công tác nắm tình hình, rà soát cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên... sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy*)

4. Công tác rà soát, thống kê, lập danh sách, cập nhật, bổ sung thông tin đối tượng nghi vấn phạm tội về ma túy; số hóa giao chỉ tiêu thực hiện đối sách đấu tranh giảm cung về ma túy với các đối tượng nghi vấn phạm tội, vi phạm, đối tượng bán lẻ, điểm nguy cơ, điểm, tụ điểm phức tạp; đường dây tội phạm về ma túy (*các cơ quan, đơn vị báo cáo công tác nắm tình hình, rà soát cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên... có hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội về ma túy*)

5. Công tác phòng ngừa, triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây thuốc phiện (*cơ quan, đơn vị báo cáo rà soát số lượng cây/ diện tích trồng cây có chứa chất ma túy tại khuôn viên, khu vực thuộc quản lý của đơn vị mình*)

6. Công tác bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã về ma túy (*cơ quan, đơn vị báo cáo trường hợp đối tượng truy nã là người thuộc đơn vị; công tác phối hợp truy bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã (nếu có)*).

7. Công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, công tác quản lý và kiểm soát các tiền chất (*cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy theo chức năng, nhiệm vụ*).

8. Công tác phối hợp, hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy (*cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả công tác hợp tác quốc tế liên quan đến ma túy theo chức năng, nhiệm vụ*).

9. Công tác chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy; thẩm định, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy (*đánh giá kết quả quán triệt, triển khai*).

III. ĐÁNH GIÁ (*đánh giá kết quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy*)

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Lưu ý:

- Báo cáo này là một trong những căn cứ phục vụ công tác đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan đến ma túy của Hội đồng thẩm định các cấp tại cuộc họp Hội đồng; đồng thời là căn cứ để Đoàn công tác cấp tỉnh thẩm định, đánh giá địa bàn.

- Cơ quan ban hành: UBND các cấp (lực lượng Công an cùng cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng);

- Thời gian ban hành: trước khi Hội đồng thẩm định cùng cấp họp đánh giá, phân loại;

- Mốc thời gian đánh giá: từ ngày 15 tháng 10 năm trước đến ngày 14 tháng 10 năm thẩm định;

- Báo cáo của UBND huyện gửi về Công an tỉnh (Phòng Tham mưu) và Đoàn công tác cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 10.)

BC02

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Công tác rà soát, thẩm định, phân loại cơ quan,
đơn vị; địa bàn liên quan đến ma túy năm ...

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC RÀ SOÁT

1. Kết quả rà soát, đánh giá công tác hồ sơ
2. Kết quả rà soát, đánh giá công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy
3. Kết quả rà soát, đánh giá công tác đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về ma túy
4. Kết quả rà soát, đánh giá công tác đấu tranh, xử lý người có biểu hiện nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy, điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy (lực lượng Công an tham mưu UBND cùng cấp báo cáo số liệu)

5. Kết quả rà soát công tác triệt phá cây có chứa ma túy

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI *(tóm tắt quy trình thẩm định, phân loại theo từng cấp)*

- Công tác thẩm định, đánh giá, phân loại của bản, tiểu khu, tổ dân phố.
- Công tác thẩm định, đánh giá, phân loại của cấp xã.
- Công tác thẩm định, đánh giá, phân loại của cấp huyện.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI

1. Kết quả phân loại

1.1. Các đơn vị trọng điểm về ma túy:

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại III về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại II về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại I về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số địa bàn)

1.2. Các đơn vị có ma túy/có ma túy ít phức tạp:

- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng đơn vị, địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số đơn vị, địa bàn)

1.3. Các đơn vị sạch ma túy

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng đơn vị, địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số đơn vị, địa bàn)

1.4. Các đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy

- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng đơn vị, địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số đơn vị, địa bàn)

2. Đánh giá kết quả chuyển hóa so với năm trước

2.1. Đánh giá chung

- Tổng số địa bàn: ... (... xã, ... bản), trong đó:

+ Số đơn vị có chuyển biến tiến bộ: ... đơn vị (... xã, ... bản), chiếm ... %

+ Số đơn vị giữ mức: ... đơn vị (... xã, ... bản), chiếm ... %

+ Số đơn vị tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, chiếm ...%

- Tổng số cơ quan, đơn vị: ... đơn vị, trong đó:

+ Số đơn vị có chuyển biến tiến bộ: ... đơn vị (... xã, ... bản), chiếm ... %

+ Số đơn vị tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, chiếm ...%

2.2. Địa bàn xã

2.2.1. Kết quả giữ vững, xây dựng địa bàn không có ma túy

a) Kết quả giữ vững địa bàn không có ma túy

- Tổng số địa bàn không có ma túy năm trước: ... đơn vị;

- Giữ vững: ... đơn vị;

- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị (trọng điểm loại III: ... đơn vị; trọng điểm loại II: ... đơn vị; trọng điểm loại I: ... đơn vị).

b) Kết quả xây dựng địa bàn thành không có ma túy theo chỉ tiêu đã đăng ký đầu năm:

- Tổng số địa bàn đăng ký: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành công: ... đơn vị;
- Không chuyển hóa thành công: ... địa bàn (phân tích cụ thể).

2.2.2. Kết quả xây dựng, chuyển hóa địa bàn sạch ma túy:

a) Kết quả chuyển hóa địa bàn sạch ma túy:

- Tổng số địa bàn sạch ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại III: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại II: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại I: ... đơn vị.

b) Kết quả xây dựng địa bàn thành sạch ma túy theo chỉ tiêu đăng ký đầu năm:

- Tổng số địa bàn đăng ký: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành công: ... đơn vị;
- Không chuyển hóa thành công: ... địa bàn (phân tích cụ thể).

2.2.3. Kết quả chuyển hóa địa bàn có ma túy ít phức tạp

- Tổng số địa bàn có ma túy ít phức tạp năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên trọng điểm loại III: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại II: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại I: ... đơn vị.

2.2.4. Kết quả chuyển hóa địa bàn trọng điểm về ma túy (phân tích riêng theo địa bàn trọng điểm loại I, II, III)

- Tổng số địa bàn năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa: ... địa bàn, trong đó: chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị; chuyển hóa thành địa bàn có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; chuyển hóa giảm mức trọng điểm: ... đơn vị (phân tích cụ thể);
- Giữ mức: ... đơn vị;

- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị (phân tích cụ thể).

2.3. Bản, tiểu khu, tổ dân phố

a) Kết quả giữ vững địa bàn không có ma túy

- Tổng số địa bàn không có ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Giữ vững: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên sạch ma túy: ... đơn vị; tăng lên mức có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị.

b) Kết quả chuyển hóa địa bàn sạch ma túy

- Tổng số địa bàn sạch ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị.

c) Kết quả chuyển hóa địa bàn có ma túy ít phức tạp

- Tổng số địa bàn có ma túy ít phức tạp năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa: ... đơn vị, trong đó: thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị; thành địa bàn sạch ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị.

d) Kết quả chuyển hóa địa bàn trọng điểm về ma túy

- Tổng số địa bàn trọng điểm về ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa: ... đơn vị, trong đó: thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị; thành địa bàn sạch ma túy: ... đơn vị; thành địa bàn có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;

2.4. Cơ quan, đơn vị

2.5. Công tác chuyển hóa, xây dựng xã biên giới "sạch về ma túy" (đối với các địa bàn biên giới)

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ
- Kết quả chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy (phân tích số liệu cụ thể theo Mục 2.2, 2.3)

IV. ĐÁNH GIÁ (đánh giá kết quả, quy trình triển khai, rà soát, thẩm định, đánh giá đơn vị, địa bàn liên quan ma túy)

1. Ưu điểm

2. Tồn tại, hạn chế

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

(Lưu ý:

- Báo cáo này là một trong những căn cứ phục vụ Đoàn công tác cấp tỉnh thẩm định, đánh giá địa bàn.

- Cơ quan ban hành: UBND các cấp (lực lượng Công an cùng cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng);

- Thời gian ban hành: sau khi Hội đồng thẩm định các cấp họp đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn phụ trách;

- Báo cáo của UBND huyện gửi về Công an tỉnh (Phòng Tham mưu) và Đoàn công tác cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 10.)

Mẫu A.....
ĐƠN VỊ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Tự đánh giá, phân loại cơ quan, đơn vị,**
địa bàn liên quan ma túy năm

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày... tháng ... năm.... của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành tiêu chí và quy trình đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy.

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngàythángnăm..., tại: , thành phần gồm:

1. Ông (Bà) : Chức vụ: - Chủ trì;
2. Ông (Bà) : Chức vụ:
3. Ông (Bà) : Chức vụ:
4. Ông (Bà) : Chức vụ:
5. Ông (Bà) : Chức vụ:

Tiến hành tự đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy trong năm của đơn vị. Kết quả cụ thể như sau :

1. Đánh giá tình hình tệ nạn, tội phạm ma túy; tiêu chí thẩm định

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả
1.1	Hồ sơ, tài liệu về các mặt công tác phòng, chống ma túy phục vụ đánh giá, phân loại, thẩm định	Có/Không
a)	Hồ sơ, tài liệu tổ chức quán triệt, tuyên truyền, giao chỉ tiêu, ký cam kết và triển khai, thực hiện công tác phòng, chống ma túy;	
b)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; người bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; quản lý tại gia đình do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (nếu có);	
c)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người nghiện ma túy, người được áp dụng các biện pháp cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (nếu có);	
d)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người sau cai nghiện ma túy (nếu có);	
đ)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (nếu có);	
e)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý người vi phạm pháp luật về ma túy (nếu có);	

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả
g)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý tội phạm về ma túy (nếu có);	
h)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, triệt xóa diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (nếu có);	
i)	Hồ sơ, tài liệu về người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy được phát hiện, quản lý và tổ chức phòng ngừa, đấu tranh (nếu có).	
k)	Các loại hồ sơ khác (nêu rõ)	
1.2	Tiêu chí đánh giá, phân loại, thẩm định (chỉ thống kê các đối tượng thuộc diện thẩm định)	Số liệu
a)	Người sử dụng trái phép chất ma túy ngoài xã hội (tại thời điểm thẩm định)	
-	Đã được xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, kết quả xét nghiệm “dương tính”, đang trong thời gian chờ Ủy ban nhân dân cấp xã ra Quyết định quản lý (người);	
-	Đang trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định của UBND xã, phường, thị trấn (người);	
-	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (người);	
-	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình theo Quyết định của UBND cấp xã (người);	
-	Trường hợp khác	
b)	Người nghiện ma túy ngoài xã hội (tại thời điểm thẩm định)	
-	Đang trong thời gian đăng ký/lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện/ điều trị nghiện (người);	
-	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định của UBND cấp xã (người);	
-	Đang trong thời gian điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (người).	
-	Trường hợp khác	
c)	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy đang được theo dõi, quản lý tại gia đình, cộng đồng (tại thời điểm thẩm định).	
d)	Người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị phát hiện, xử lý (số liệu tính trong cả năm thẩm định; không tính hành vi sử dụng trái phép chất ma túy);	
đ)	Tội phạm về ma túy (trong năm thẩm định);	
-	Người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy (người);	
-	Người cư trú tại địa bàn bị truy nã do phạm tội về ma túy chưa bị bắt giữ, xử lý (người);	
-	Dân số địa bàn (người)	

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả
-	Tỷ lệ người thực hiện tội phạm về ma túy (gồm cả người bị truy nã do thực hiện tội phạm về ma túy) so với dân số địa bàn (%)	
e)	Trồng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định) (chỉ thống kê diện tích hoặc số lượng);	
-	Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (m ²)	
-	Số lượng cây có chứa chất ma túy (cây)	
g	Điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy (trong năm thẩm định). Nội dung này do lực lượng Công an tham mưu cấp uỷ, chính quyền cùng cấp báo cáo	
-	Người có biểu hiện nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy (người)	
-	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy (điểm)	
-	Điểm phức tạp về ma túy (điểm)	
-	Tụ điểm phức tạp về ma túy (tụ điểm)	
1.3	Không đưa vào tiêu chí đánh giá (thống kê các diện đối tượng không đưa vào thẩm định)	Số liệu
a)	Người sử dụng trái phép chất ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
-	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định của Tòa án (người)	
-	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định của Tòa án (người)	
-	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
-	Đã chết (người)	
-	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
-	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
-	Trường hợp khác (nêu rõ)	
b)	Người nghiện ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
-	Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện (người)	
-	Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (người)	
-	Đang được áp dụng biện pháp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, đã tham gia quy trình điều trị được ít nhất 12 tháng, đã đạt liều điều trị duy trì, chấp hành tốt và tuân thủ các quy định trong điều trị, không sử dụng trái phép chất ma túy (người)	

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả
-	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (người)	
-	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (người)	
-	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
-	Đã chết (người)	
-	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
-	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
-	Trường hợp khác (nêu rõ)	
c)	Người quản lý sau cai nghiện (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
d)	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
-	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (người)	
-	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (người)	
-	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
-	Đã chết (người)	
-	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
-	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
-	Trường hợp khác (nêu rõ)	
đ)	Người có địa chỉ cư trú ở địa phương khác bị phát hiện, xử lý tại địa phương	
-	Sử dụng trái phép chất ma túy (người)	
-	Nghiện ma túy (người)	
-	Loạn thần, ngáo đá về ma túy (người)	
-	Vi phạm pháp luật về ma túy (người)	
-	Phạm tội về ma túy (người)	
-	Bị truy nã do phạm tội về ma túy (người)	

2. Tự đánh giá mức độ liên quan đến ma túy

Căn cứ vào kết quả đánh giá nêu trên và đối chiếu với quy định của UBND tỉnh, đơn vị tự đánh giá, phân loại mức độ liên quan đến ma túy ở mức:

Không có ma túy	Có ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy	Trọng điểm về ma túy loại III	Trọng điểm về ma túy loại II	Trọng điểm về ma túy loại I

(Đánh dấu x vào ô tương ứng)

3. Đánh giá tiêu chí "Sạch ma túy" (chỉ đánh giá đối với xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Có ma túy ít phức tạp tại mục 2).

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
3.1	Người sử dụng trái phép chất ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm a, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.2	Người nghiện ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm b, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số đã được áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.3	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm c, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý	
3.4	Người thực hiện hành vi phạm pháp luật về ma túy	Tổng người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy (điểm d, mục 1.2)	
		Tổng số người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy do Công an xã trực tiếp bắt giữ, xử lý	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.5	Người thực hiện tội phạm về ma túy	Tổng số người phạm tội về ma túy (điểm đ, mục 1.2)	
		Số tội phạm do địa bàn cấp xã trực tiếp bắt giữ	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.6	Đối tượng truy nã về ma túy	Tổng số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn bị phát hiện, bắt giữ trong năm	
		Số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn do địa bàn cấp xã trực tiếp phát hiện, bắt giữ trong năm	
3.7	Đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy	Tổng số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.8	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy	Tổng số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	

Đánh giá địa bàn đạt tiêu chí Sạch ma túy (đánh dấu x vào ô tương ứng):

Đạt	Không đạt

Đề nghị Hội đồng đánh giá, thẩm định cấp trên xem xét, quyết định./.

TM.
(Ký và ghi rõ họ tên)

UBND.....
ĐOÀN CÔNG TÁC SỐ...

Mẫu B1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH

**Phân loại các cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu,
tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy**
(Mẫu dùng cho Đoàn công tác cấp tỉnh, huyện)

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành tiêu chí, quy trình đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị; bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố; xã, phường, thị trấn liên quan đến ma túy.

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm, tại: Đoàn công tác của:..... gồm:

1. Ông (Bà) : Chức vụ: - Trưởng đoàn;
2. Ông (Bà) : Chức vụ:
3. Ông (Bà) : Chức vụ:
4. Ông (Bà) : Chức vụ:
5. Ông (Bà) : Chức vụ:

.....

Căn cứ báo cáo kết quả công tác phòng, chống ma túy và hồ sơ đánh giá, phân loại các đơn vị, địa bàn của, Đoàn công tác đã tiến hành đánh giá, thẩm định kết quả phân loại đơn vị liên quan đến ma túy nội dung cụ thể như sau:

A. PHẦN ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH

1. Các đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy

- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã:... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng đơn vị, địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số đơn vị, địa bàn)

2. Các đơn vị có ma túy

- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng đơn vị, địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số đơn vị, địa bàn)

3. Các đơn vị trọng điểm về ma túy

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại III về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại II về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại I về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số địa bàn)

B. PHẦN THẨM ĐỊNH CỦA ĐOÀN CÔNG TÁC

1. Các đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy

- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng đơn vị, địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số đơn vị, địa bàn)

2. Các đơn vị có ma túy

- Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, trạm y tế, hợp tác xã: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);

- Xã, phường, thị trấn: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng đơn vị, địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số đơn vị, địa bàn)

3. Các đơn vị trọng điểm về ma túy

- Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại III về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại II về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước);
- Xã, phường, thị trấn trọng điểm loại I về ma túy: ... đơn vị, chiếm ...% (so sánh tăng giảm % so với năm trước).

(Ghi số lượng địa bàn đạt tiêu chuẩn/tổng số địa bàn)

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG MA TÚY

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Công tác tham mưu

1.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện: công tác quán triệt, triển khai các văn bản của cấp trên; ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ thành viên, chế độ hội họp, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo;...

2. Công tác phòng ngừa, đối sách giảm cung, giảm cầu về ma túy và công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào toàn dân phòng, chống ma túy

3. Công tác rà soát, thống kê, lập danh sách, cập nhật, bổ sung thông tin, số hóa giao chỉ tiêu tổ chức quản lý, áp dụng biện pháp giảm cầu về ma túy đối với người sử dụng trái phép chất ma túy, người nghiện ma túy; công tác cai nghiện, công tác điều trị nghiện bằng thuốc thay thế, quản lý sau cai nghiện

4. Công tác rà soát, thống kê, lập danh sách, cập nhật, bổ sung thông tin đối tượng nghi vấn phạm tội về ma túy; số hóa giao chỉ tiêu thực hiện đối sách đấu tranh giảm cung về ma túy với các đối tượng nghi vấn phạm tội, vi phạm, đối tượng bán lẻ, điểm nguy cơ, điểm, tụ điểm phức tạp; đường dây tội phạm về ma túy

5. Công tác phòng ngừa, triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy

6. Công tác bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã về ma túy

7. Công tác kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, công tác quản lý và kiểm soát các tiền chất

8. Công tác phối hợp, hợp tác quốc tế trong phòng, chống ma túy

II. CÔNG TÁC CHUYỂN HÓA, XÂY DỰNG ĐƠN VỊ, ĐỊA BÀN KHÔNG CÓ MA TÚY; THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ, ĐỊA BÀN LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY.

1. Kết quả thực hiện công tác chuyển hóa, xây dựng đơn vị, địa bàn không có ma túy

1.1. Đánh giá chung

- Tổng số địa bàn: ... (... xã, ... bản), trong đó:
 - + Số đơn vị có chuyển biến tiến bộ: ... đơn vị (... xã, ... bản), chiếm ... %
 - + Số đơn vị giữ mức: ... đơn vị (... xã, ... bản), chiếm ... %
 - + Số đơn vị tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, chiếm ...%
- Tổng số cơ quan, đơn vị: ... đơn vị, trong đó:
 - + Số đơn vị có chuyển biến tiến bộ: ... đơn vị (... xã, ... bản), chiếm ... %
 - + Số đơn vị tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, chiếm ...%

1.2. Địa bàn xã

1.2.1. Kết quả giữ vững, xây dựng địa bàn không có ma túy

a) Kết quả giữ vững địa bàn không có ma túy

- Tổng số địa bàn không có ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Giữ vững: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị (trọng điểm loại III: ... đơn vị; trọng điểm loại II: ... đơn vị; trọng điểm loại I: ... đơn vị).

b) Kết quả xây dựng địa bàn thành không có ma túy theo chỉ tiêu đã đăng ký đầu năm:

- Tổng số địa bàn đăng ký: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành công: ... đơn vị;
- Không chuyển hóa thành công: ... địa bàn (phân tích cụ thể).

1.2.2. Kết quả xây dựng, chuyển hóa địa bàn sạch ma túy:

a) Kết quả chuyển hóa địa bàn sạch ma túy:

- Tổng số địa bàn sạch ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại III: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại II: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại I: ... đơn vị.

b) Kết quả xây dựng địa bàn thành sạch ma túy theo chỉ tiêu đăng ký đầu năm:

- Tổng số địa bàn đăng ký: ... đơn vị;

- Chuyển hóa thành công: ... đơn vị;
- Không chuyển hóa thành công: ... địa bàn (phân tích cụ thể).

1.2.3. Kết quả chuyển hóa địa bàn có ma túy ít phức tạp

- Tổng số địa bàn có ma túy ít phức tạp năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên trọng điểm loại III: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại II: ... đơn vị; tăng lên trọng điểm loại I: ... đơn vị.

1.2.4. Kết quả chuyển hóa địa bàn trọng điểm về ma túy (phân tích riêng theo địa bàn trọng điểm loại I, II, III)

- Tổng số địa bàn năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa: ... địa bàn, trong đó: chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị; chuyển hóa thành địa bàn có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; chuyển hóa giảm mức trọng điểm: ... đơn vị (phân tích cụ thể);
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị (phân tích cụ thể).

1.3. Bản, tiểu khu, tổ dân phố

a) Kết quả giữ vững địa bàn không có ma túy

- Tổng số địa bàn không có ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Giữ vững: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên sạch ma túy: ... đơn vị; tăng lên mức có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị.

b) Kết quả chuyển hóa địa bàn sạch ma túy

- Tổng số địa bàn sạch ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng mức độ phức tạp: ... đơn vị, trong đó: tăng lên có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị; tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị.

c) Kết quả chuyển hóa địa bàn có ma túy ít phức tạp

- Tổng số địa bàn có ma túy ít phức tạp năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa: ... đơn vị, trong đó: thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị; thành địa bàn sạch ma túy: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;
- Tăng lên mức trọng điểm về ma túy: ... đơn vị.

d) Kết quả chuyển hóa địa bàn trọng điểm về ma túy

- Tổng số địa bàn trọng điểm về ma túy năm trước: ... đơn vị;
- Chuyển hóa: ... đơn vị, trong đó: thành địa bàn không có ma túy: ... đơn vị; thành địa bàn sạch ma túy: ... đơn vị; thành địa bàn có ma túy ít phức tạp: ... đơn vị;
- Giữ mức: ... đơn vị;

1.4. Cơ quan, đơn vị

1.5. Công tác chuyển hóa, xây dựng xã biên giới "sạch về ma túy" (đối với các địa bàn biên giới)

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai
- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ
- Kết quả chuyển hóa, xây dựng địa bàn không có ma túy (phân tích số liệu cụ thể theo mục 1.2, 1.3)

2. Đánh giá ưu điểm, hạn chế trong quy trình rà soát, thẩm định, đánh giá, phân loại đơn vị, địa bàn liên quan ma túy

- Công tác thẩm định của bản, tiểu khu, tổ dân phố.
- Công tác thẩm định của cấp xã.
- Công tác thẩm định của cấp huyện.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất của đơn vị được thẩm định.
2. Kiến nghị, đề xuất của Đoàn công tác.

TRƯỞNG ĐOÀN CÔNG TÁC
(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh)

*Mẫu B2***HỘI ĐỒNG THẨM
ĐỊNH ...****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH**

**Phân loại các cơ quan, đơn vị; xã, phường, thị trấn;
Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố liên quan đến ma túy**
(*Mẫu dùng cho Hội đồng đánh giá, thẩm định*)

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, phân loại và Quy trình rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị; bản, tiểu khu, tổ dân; xã, phường, thị trấn phố liên quan đến ma túy.

Hôm nay, vào hồi ... giờ, ngày.....tháng năm , tại:
.....Hội đồng đánh giá, thẩm định của: gồm:

1. Ông (Bà) : Chức vụ:
2. Ông (Bà) : Chức vụ:
3. Ông (Bà) : Chức vụ:
4. Ông (Bà) : Chức vụ:
5. Ông (Bà) : Chức vụ:

.....
.....
Căn cứ báo cáo đánh giá kết quả hoạt động công tác phòng, chống ma túy năm và hồ sơ tự đánh giá, phân loại của:..... Hội đồng đánh giá, thẩm định đã tiến hành thẩm định, nội dung cụ thể như sau:

I. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
(theo mẫu A)

Đơn vị được thẩm định tự đánh giá, phân loại đạt mức: ...

II. PHẦN THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Đánh giá tình hình tệ nạn, tội phạm ma túy; tiêu chí thẩm định

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
1.1	Hồ sơ, tài liệu về các mặt công tác phòng, chống ma túy phục vụ đánh giá, phân loại, thẩm định	Có/Không
a)	Hồ sơ, tài liệu tổ chức quán triệt, tuyên truyền, giao chỉ tiêu, ký cam kết và triển khai, thực hiện công tác phòng, chống ma túy;	

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
b)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; người bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; quản lý tại gia đình do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (nếu có);	
c)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người nghiện ma túy, người được áp dụng các biện pháp cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (nếu có);	
d)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người sau cai nghiện ma túy (nếu có);	
đ)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (nếu có);	
e)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý người vi phạm pháp luật về ma túy (nếu có);	
g)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý tội phạm về ma túy (nếu có);	
h)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, triệt xoá diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (nếu có);	
i)	Hồ sơ, tài liệu về người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy được phát hiện, quản lý và tổ chức phòng ngừa, đấu tranh (nếu có).	
k)	Các loại hồ sơ khác (nêu rõ)	
1.2	Tiêu chí đánh giá, phân loại, thẩm định (chỉ thống kê các đối tượng thuộc diện thẩm định)	Số liệu
a)	Người sử dụng trái phép chất ma túy ngoài xã hội (tại thời điểm thẩm định)	
	Đã được xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, kết quả xét nghiệm “dương tính”, đang trong thời gian chờ UBND cấp xã ra Quyết định quản lý (người);	
	Đang trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định của UBND xã, phường, thị trấn (người);	
	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (người);	
	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình theo Quyết định của UBND cấp xã (người);	
	Trường hợp khác	
b)	Người nghiện ma túy ngoài xã hội (tại thời điểm thẩm định)	
	Đang trong thời gian đăng ký/lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện/ điều trị nghiện (người);	
	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định của UBND cấp xã (người);	
	Đang trong thời gian điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (người).	

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
	Trường hợp khác	
c)	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy đang được theo dõi, quản lý tại gia đình, cộng đồng (tại thời điểm thẩm định).	
d)	Người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị phát hiện, xử lý (số liệu tính trong cả năm thẩm định; không tính hành vi sử dụng trái phép chất ma túy);	
đ)	Tội phạm về ma túy (trong năm thẩm định);	
	Người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy (người);	
	Người cư trú tại địa bàn bị truy nã do phạm tội về ma túy chưa bị bắt giữ, xử lý (người);	
	Dân số địa bàn (người)	
	Tỷ lệ người thực hiện tội phạm về ma túy (gồm cả người bị truy nã do thực hiện tội phạm về ma túy) so với dân số địa bàn (%)	
e)	Trồng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định) (chỉ thống kê diện tích hoặc số lượng);	
	Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (m ²)	
	Số lượng cây có chứa chất ma túy (cây)	
g	Điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy (trong năm thẩm định). Nội dung này do lực lượng Công an tham mưu cấp uỷ, chính quyền cùng cấp báo cáo	
	Người có biểu hiện nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy (người)	
	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy (điểm)	
	Điểm phức tạp về ma túy (điểm)	
	Tụ điểm phức tạp về ma túy (tụ điểm)	
1.3	Không đưa vào tiêu chí đánh giá (thống kê các diện đối tượng không đưa vào thẩm định)	Số liệu
a)	Người sử dụng trái phép chất ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định của Tòa án (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định của Tòa án (người)	
	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
	Đã chết (người)	

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
	Trường hợp khác (nêu rõ)	
b)	Người nghiện ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
	Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, đã tham gia quy trình điều trị được ít nhất 12 tháng, đã đạt liều điều trị duy trì, chấp hành tốt và tuân thủ các quy định trong điều trị, không sử dụng trái phép chất ma túy (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (người)	
	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
	Đã chết (người)	
	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
	Trường hợp khác (nêu rõ)	
c)	Người quản lý sau cai nghiện (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
d)	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (người)	
	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
	Đã chết (người)	
	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
	Trường hợp khác (nêu rõ)	
đ)	Người có địa chỉ cư trú ở địa phương khác bị phát hiện, xử lý tại địa phương	
	Sử dụng trái phép chất ma túy (người)	
	Nghiện ma túy (người)	
	Loạn thần, ngáo đá về ma túy (người)	

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
	Vi phạm pháp luật về ma túy (người)	
	Phạm tội về ma túy (người)	
	Bị truy nã do phạm tội về ma túy (người)	

Căn cứ vào kết quả đánh giá nêu trên và đối chiếu với quy định của UBND tỉnh, Hội đồng thẩm định đánh giá mức độ liên quan đến ma túy của đơn vị ở mức:

Không có ma túy	Có ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy	Trọng điểm về ma túy loại III	Trọng điểm về ma túy loại II	Trọng điểm về ma túy loại I

(Đánh dấu x vào ô tương ứng)

2. Đánh giá tiêu chí "Sạch ma túy" (chỉ đánh giá đối với xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Có ma túy ít phức tạp tại mục 1).

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
3.1	Người sử dụng trái phép chất ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm a, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.2	Người nghiện ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm b, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số đã được áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.3	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm c, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý	
3.4	Người thực hiện hành vi phạm pháp luật về ma túy	Tổng người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy (điểm d, mục 1.2)	
		Tổng số người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy do Công an xã trực tiếp bắt giữ, xử lý	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.5	Người thực hiện tội phạm về ma túy	Tổng số người phạm tội về ma túy (điểm đ, mục 1.2)	

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
		Số tội phạm do địa bàn cấp xã trực tiếp bắt giữ	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.6	Đối tượng truy nã về ma túy	Tổng số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn bị phát hiện, bắt giữ trong năm	
		Số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn do địa bàn cấp xã trực tiếp phát hiện, bắt giữ trong năm	
3.7	Đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy	Tổng số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.8	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy	Tổng số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.1	Người sử dụng trái phép chất ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm a, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.2	Người nghiện ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm b, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số đã được áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.3	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm c, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý	
3.4	Người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy VPPL về ma túy	Tổng người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy (điểm d, mục 1.2)	

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.5	Người thực hiện tội phạm về ma túy	Tổng số người phạm tội về ma túy (điểm đ, mục 1.2)	
		Số tội phạm do địa bàn cấp xã trực tiếp bắt giữ	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy từ ngày 15/7 đến 14/10.	
3.6	Đối tượng truy nã về ma túy	Tổng số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn bị phát hiện, bắt giữ trong năm	
		Số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn do địa bàn cấp xã trực tiếp phát hiện, bắt giữ trong năm	
3.7	Đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy	Tổng số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.8	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy	Tổng số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	

2. Đánh giá tiêu chí sạch ma túy (đối với bản, tiểu khu, tổ dân phố đạt tiêu chí Có ma túy ít phức tạp)

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
3.1	Người sử dụng trái phép chất ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm a, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.2	Người nghiện ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm b, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
		Số đã được áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.3	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm c, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý	
3.4	Người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy	Tổng người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy (điểm d, mục 1.2)	
		Số người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy đã bị bắt giữ, xử lý	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.5	Người thực hiện tội phạm về ma túy	Tổng số người phạm tội về ma túy (điểm đ, mục 1.2)	
		Số người phạm tội về ma túy đã bị bắt giữ, xử lý	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy từ ngày 15/7 đến 14/10.	
3.6	Đối tượng truy nã về ma túy	Tổng số đối tượng truy nã lần trốn tại địa bàn bị phát hiện, bắt giữ trong năm	
		Số đối tượng truy nã lần trốn tại địa bàn đã bị phát hiện, bắt giữ	
3.7	Đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy	Tổng số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.8	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy	Tổng số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	

Đánh giá địa bàn Có ma túy ít phức tạp đạt tiêu chí Sạch ma túy (đánh dấu x vào ô tương ứng):

Đạt	Không đạt

3. Kết luận

Căn cứ vào kết quả thẩm định nêu trên, Hội đồng thẩm định thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định công nhận/xác nhận đơn vị đạt mức:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Mẫu B3

UBND XÃ.....
BẢN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP DÂN

**Tự đánh giá, phân loại thôn, Bản, thôn, xóm, tiểu khu,
tổ dân phố liên quan đến ma túy năm**

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, phân loại và Quy trình rà soát, đánh giá, thẩm định, phân loại các cơ quan, đơn vị; bản, tiểu khu, tổ dân; xã, phường, thị trấn phố liên quan đến ma túy.

Hôm nay, vào hồi giờ ngày ... tháng ... năm, tại thôn, bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố:.....,

I. THÀNH PHẦN

1. Ông (Bà): - Bí thư chi bộ - Chủ trì.
2. Ông (Bà): - Trưởng bản (*Trưởng thôn, Tiểu khu trưởng, Tổ trưởng*).
3. Ông (Bà):..... -
4. Ông (Bà):..... -
5. Ông (Bà):..... -
6. Ông (Bà):..... -
7. Ông (Bà):..... -
8. Có sự tham gia của đại diệnhộ/.....hộ gia đình.

.....
.....
.....

II. NỘI DUNG

1. Trưởng bản (*Trưởng thôn, Tiểu khu trưởng, Tổ trưởng*) báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng, chống ma túy của địa bàn trong năm; lập danh sách các diện, loại đối tượng theo các tiêu chí thẩm định (*có danh sách kèm theo*)

.....
.....
.....

2. Quán triệt các tiêu chí đánh giá, phân loại đơn vị liên quan đến ma túy

3. Thực hiện xin ý kiến biểu quyết đối với từng tiêu chí bằng hình thức ...

III. KẾT QUẢ

1. Đánh giá tiêu chí

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
1.1	Hồ sơ, tài liệu về các mặt công tác phòng, chống ma túy phục vụ đánh giá, phân loại, thẩm định	Có/Không
a)	Hồ sơ, tài liệu tổ chức quán triệt, tuyên truyền, giao chỉ tiêu, ký cam kết và triển khai, thực hiện công tác phòng, chống ma túy;	
b)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; người bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; quản lý tại gia đình do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (nếu có);	
c)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người nghiện ma túy, người được áp dụng các biện pháp cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (nếu có);	
d)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người sau cai nghiện ma túy (nếu có);	
đ)	Hồ sơ, tài liệu quản lý người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (nếu có);	
e)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý người vi phạm pháp luật về ma túy (nếu có);	
g)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, xử lý tội phạm về ma túy (nếu có);	
h)	Hồ sơ, tài liệu về phát hiện, triệt xóa diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (nếu có);	
i)	Hồ sơ, tài liệu về người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, điểm phức tạp về ma túy, tụ điểm phức tạp về ma túy được phát hiện, quản lý và tổ chức phòng ngừa, đấu tranh (nếu có).	
k)	Các loại hồ sơ khác (nêu rõ)	
1.2	Tiêu chí đánh giá, phân loại, thẩm định (chỉ thống kê các đối tượng thuộc diện thẩm định)	Số liệu
a)	Người sử dụng trái phép chất ma túy ngoài xã hội (tại thời điểm thẩm định)	
	Đã được xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, kết quả xét nghiệm “dương tính”, đang trong thời gian chờ UBND cấp xã ra Quyết định quản lý (người);	
	Đang trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định của UBND xã, phường, thị trấn (người);	
	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (người);	
	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình theo Quyết định của UBND cấp xã (người);	

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
	Trường hợp khác	
b)	Người nghiện ma túy ngoài xã hội (tại thời điểm thẩm định)	
	Đang trong thời gian đăng ký/lập hồ sơ áp dụng biện pháp cai nghiện/điều trị nghiện (người);	
	Đang trong thời gian áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Quyết định của UBND cấp xã (người);	
	Đang trong thời gian điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (người).	
	Trường hợp khác	
c)	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy đang được theo dõi, quản lý tại gia đình, cộng đồng (tại thời điểm thẩm định).	
d)	Người vi phạm pháp luật về ma túy mà chưa đến mức hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bị phát hiện, xử lý (số liệu tính trong cả năm thẩm định; không tính hành vi sử dụng trái phép chất ma túy);	
đ)	Tội phạm về ma túy (trong năm thẩm định);	
	Người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy (người);	
	Người cư trú tại địa bàn bị truy nã do phạm tội về ma túy chưa bị bắt giữ, xử lý (người);	
	Dân số địa bàn (người)	
	Tỷ lệ người thực hiện tội phạm về ma túy (gồm cả người bị truy nã do thực hiện tội phạm về ma túy) so với dân số địa bàn (%)	
e)	Trồng cây có chứa chất ma túy (trong năm thẩm định) (chỉ thống kê diện tích hoặc số lượng);	
	Diện tích trồng cây có chứa chất ma túy (m ²)	
	Số lượng cây có chứa chất ma túy (cây)	
g	Điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy; điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy, đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy (trong năm thẩm định). Nội dung này do lực lượng Công an tham mưu cấp uỷ, chính quyền cùng cấp báo cáo	
	Người có biểu hiện nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy (người)	
	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy (điểm)	
	Điểm phức tạp về ma túy (điểm)	
	Tụ điểm phức tạp về ma túy (tụ điểm)	

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
1.3	Không đưa vào tiêu chí đánh giá (thống kê các diện đối tượng không đưa vào thẩm định)	Số liệu
a)	Người sử dụng trái phép chất ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định của Tòa án (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định của Tòa án (người)	
	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
	Đã chết (người)	
	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
	Trường hợp khác (nêu rõ)	
b)	Người nghiện ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
	Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, đã tham gia quy trình điều trị được ít nhất 12 tháng, đã đạt liệu điều trị duy trì, chấp hành tốt và tuân thủ các quy định trong điều trị, không sử dụng trái phép chất ma túy (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (người)	
	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
	Đã chết (người)	
	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
	Trường hợp khác (nêu rõ)	
c)	Người quản lý sau cai nghiện (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
d)	Người có biểu hiện loạn thần, ngáo đá về ma túy (số liệu tại thời điểm thẩm định)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (người)	
	Đang được áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (người)	

STT	Nội dung đánh giá, phân loại	Kết quả
	Đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù (người)	
	Đã chết (người)	
	Tòa án tuyên bố là mất tích (người)	
	Đã chuyển đến cư trú ở địa phương khác (người)	
	Trường hợp khác (nêu rõ)	
đ)	Người có địa chỉ cư trú ở địa phương khác bị phát hiện, xử lý tại địa phương	
	Sử dụng trái phép chất ma túy (người)	
	Nghiện ma túy (người)	
	Loạn thần, ngáo đá về ma túy (người)	
	Vì phạm pháp luật về ma túy (người)	
	Phạm tội về ma túy (người)	
	Bị truy nã do phạm tội về ma túy (người)	

Căn cứ kết quả trên, thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố tự đánh giá địa bàn đạt mức độ (đánh dấu x vào ô tương ứng):

Không có ma túy	Có ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy

2. Đánh giá tiêu chí Sạch ma túy (chỉ đánh giá đối với bản, tiểu khu, tổ dân phố đạt tiêu chí Có ma túy ít phức tạp tại mục 1).

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
3.1	Người sử dụng trái phép chất ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm a, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.2	Người nghiện ma túy	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm b, mục 1.2)	
		Số có hồ sơ quản lý, được theo dõi, giám sát chặt chẽ	
		Số đã được áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện	
		Số có kết quả 03 lần xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể gần nhất đều âm tính với chất ma túy	
3.3	Người có biểu hiện loạn	Tổng số đối tượng thuộc diện thẩm định (điểm c, mục 1.2)	

STT	Tiêu chí	Nội dung	Số liệu
	thần, ngáo đá về ma túy		
		Số có hồ sơ quản lý	
3.4	Người thực hiện hành vi phạm pháp luật về ma túy	Tổng người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy (điểm đ, mục 1.2)	
		Số người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy đã bị bắt giữ, xử lý	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.5	Người thực hiện tội phạm về ma túy	Tổng số người phạm tội về ma túy (điểm đ, mục 1.2)	
		Số người phạm tội về ma túy đã bị bắt giữ, xử lý	
		Số người cư trú tại địa bàn thực hiện tội phạm về ma túy từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.6	Đối tượng truy nã về ma túy	Tổng số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn bị phát hiện, bắt giữ trong năm	
		Số đối tượng truy nã lẫn trốn tại địa bàn đã bị phát hiện, bắt giữ	
3.7	Đối tượng nghi vấn bán lẻ trái phép chất ma túy	Tổng số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số người có biểu hiện bán lẻ trái phép chất ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	
3.8	Điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy	Tổng số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy trong năm thẩm định (điểm g, mục 1.2)	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy hiện còn đến thời điểm thẩm định	
		Số điểm có nguy cơ phức tạp về ma túy phát sinh từ ngày 15/7 đến ngày 14/10.	

Đánh giá địa bàn Có ma túy ít phức tạp đạt tiêu chí Sạch ma túy (đánh dấu x vào ô tương ứng):

Đạt	Không đạt

Đề nghị Hội đồng đánh giá, thẩm định, phân loại xã xem xét, tổng hợp./.

BÍ THƯ

TRƯỞNG BẢN (TK TRƯỞNG....)

Phụ lục I
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN XÃ,
PHƯỜNG, THỊ TRẤN KHÔNG CÓ MA TÚY

STT	Xã, phường, thị trấn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
I	HUYỆN A	
1	Xã 1	
2	Xã 2	

Phụ lục II
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THÔN, BẢN, TIỂU KHU,
TỔ DÂN PHỐ KHÔNG CÓ MA TÚY

STT	Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
I	XÃ A	
1	Bản a	
2	Bản b	

Phụ lục III
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ,
DOANH NGHIỆP KHÔNG CÓ MA TÚY

STT	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
1		
2		

Phụ lục IV
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
CÓ MA TÚY ÍT PHỨC TẠP, SẠCH MA TÚY

STT	Xã, phường, thị trấn	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
I	Xã, phường, thị trấn có ma túy ít phức tạp	
1	Xã 1	
2	Xã 2	
II	Xã, phường, thị trấn sạch ma túy	
1	Xã 3	
2	Xã 4	

Phụ lục V
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THÔN, BẢN, TIỂU KHU,
TỔ DÂN PHỐ CÓ MA TÚY ÍT PHỨC TẠP, SẠCH MA TÚY

STT	Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
I	Địa bàn có ma túy ít phức tạp	
1	Bản 1	Xã A
2	Bản 2	Xã A
II	Địa bàn sạch ma túy	
1	Bản 3	Xã A
2	Bản 4	Xã B

Phụ lục VI
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP CÓ MA TÚY

STT	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)
1		
2		

Phụ lục VII
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
TRỌNG ĐIỂM VỀ MA TÚY

STT	Xã, phường, thị trấn	Trọng điểm loại I	Trọng điểm loại II	Trọng điểm loại III	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HUYỆN A				
1	Xã 1				
2	Xã 2				
	Tổng số				

Lưu ý: Ghi "1" vào ô tương ứng với mức độ trọng điểm về ma túy của xã

Phụ lục VIII
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THÔN, BẢN, TIỂU KHU,
TỔ DÂN PHỐ TRỌNG ĐIỂM VỀ MA TÚY
(Kèm theo Quyết định số.... ngày ../../... của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>
I	XÃ A	
1	Bản a	
2	Bản b	

Phụ lục IX
TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, THẨM ĐỊNH, PHÂN LOẠI ĐỊA BÀN LIÊN QUAN ĐẾN MA TÚY

NĂM ...																				
TT	Địa bàn		NĂM ...	Tiêu chí điểm, tự điểm												PHÂN LOẠI BẢN (ghi "T" vào ô tương ứng)				PHÂN LOẠI XÃ
	Cấp xã	Bản, tiểu khu	Kết quả phân loại năm trước	Người sử dụng, nghiện ma túy			Số người thực hiện HIVP về ma túy (người)	Số tội phạm ma túy		Diện tích trồng cây chứa chất ma túy (m2/cây)	Số điểm phạt tập (điểm)	Số đối tượng bản lẻ (người)	Số điểm có nguy cơ phạt tập (điểm)	Không có ma túy	Sạch ma túy	Có ma túy ít phức tạp	Trọng điểm về ma túy			
I	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
	Xã A	(Tổng số bản của xã)		(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Kể quả để nghị đối với xã)	
1	Xã A	Bản 1																		
2	Xã A	Bản 2																		
II	Xã B	(Tổng số bản của xã)		(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Tổng số của xã)	(Kể quả để nghị đối với xã)	
																			- Số xã, TT không có ma túy... - Số xã, TT sạch ma túy...; - Số xã, TT có ma túy ít phức tạp... - Số xã, TT trọng điểm loại III về ma túy... - Số xã, TT trọng điểm loại	

[illegible]

(1) Ghi đầy đủ cấp, tên địa bàn;

- (2) Ghi chính xác mức độ liên quan đến ma túy: Không có ma túy, Sạch ma túy (đối với xã có ma túy ít phức tạp đạt tiêu chí sạch ma túy), Có ma túy ít phức tạp (đối với xã có ma túy ít phức tạp và không đạt tiêu chí sạch ma túy), Trọng điểm về ma túy, Trọng điểm loại III về ma túy, Trọng điểm loại II về ma túy, Trọng điểm loại I về ma túy;
- (3) Chỉ thống kê số liệu thuộc diện thẩm định;

(4) Ghi chú "Đăng ký chuyển hóa không có ma túy" / "Đăng ký chuyển hóa sạch ma túy" đối với xã, phường, thị trấn, bản, tiểu khu đăng ký chuyển hóa, xây dựng địa bàn đạt tiêu chuẩn không có ma túy/ sạch ma túy trong năm.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 517/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng,
chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thanh niên ngày 16 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

*Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng,
chống ma túy;*

*Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt nam giai đoạn
2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn
2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh,
thiếu niên đến năm 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của
UBND tỉnh thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy của Chính phủ giai đoạn
2021 - 2025 và Đề án, Nghị quyết số 18-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về
tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy giai đoạn
2021 - 2025; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2023 của
UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển hóa, xây dựng xã, phường, thị trấn trên địa
bàn tỉnh Sơn La không có ma túy giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 107/TTr-CAT-PTM
ngày 18 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Hoàng Quốc Khánh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy
trong thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 517/QĐ-UBND
ngày 28/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên đến năm 2030 (*Chương trình*); góp phần phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm và tệ nạn ma túy trong thanh, thiếu niên; giảm số lượng thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, vi phạm pháp luật về ma túy hằng năm, góp phần xây dựng thể hệ thanh, thiếu niên Việt Nam phát triển toàn diện; có lý tưởng cách mạng; có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khỏe và lối sống lành mạnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của thanh, thiếu niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

- Kiểm chế tỷ lệ gia tăng, tiến tới giảm số lượng thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy so với năm trước. Bảo đảm quản lý chặt chẽ số thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy theo quy định. Đến năm 2025, trên 80% và năm 2030, trên 90% thanh, thiếu niên có hồ sơ quản lý về sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy được tư vấn, khám sàng lọc, đánh giá, được giáo dục thay đổi hành vi, điều trị, cai nghiện ma túy thích hợp; thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy được hỗ trợ dạy nghề, việc làm và các hoạt động hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng theo quy định pháp luật.

- Hằng năm, kéo giảm số vụ thanh, thiếu niên phạm tội về ma túy so với năm trước; các điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên được đầu tranh, triệt xóa kịp thời và không để tái hình thành; trên 90% số vụ phạm tội về ma túy phát hiện liên quan đến thanh, thiếu niên được giải quyết, xét xử, theo quy định.

- Hằng năm, tổ chức Đoàn các cấp phát động phong trào thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy. Các tổ chức Đoàn xã, phường, thị trấn trọng điểm, phức tạp về ma túy xây dựng mô hình phòng, chống ma túy; trong đó mỗi năm giúp đỡ, hỗ trợ để cảm hóa được ít nhất 01 thanh niên, thiếu niên sau cai nghiện ma túy hoặc thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy tái hòa nhập cộng đồng, có việc làm ổn định.

- Hằng năm, ít nhất 70% cơ sở giáo dục bậc trung học phổ thông trở lên tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về phòng, chống ma túy cho cán bộ, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên. Đến năm 2025, 80% và năm 2030 100% cán bộ, giáo viên, giảng viên được tập huấn, trang bị kiến thức, kỹ năng phòng, chống ma túy để có đủ năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục phòng, chống ma túy cho học sinh, sinh viên.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên quán triệt, lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên gắn với thực hiện quyết liệt, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống ma túy và chiến lược phát triển thanh niên¹.

Coi phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên là nội dung quan trọng, cấp bách trong tổng thể chiến lược quốc gia phòng, chống ma túy, phải được thực hiện quyết liệt, thường xuyên, kiên trì góp phần bảo vệ và phát huy vai trò của thanh, thiếu niên đối với sự phát triển bền vững của đất nước; trong đó phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an, ngành giáo dục và tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp.

Kết hợp chặt chẽ giữa phòng và chống; lấy phòng ngừa là chính, coi trọng phòng ngừa ngay từ gia đình, cơ sở giáo dục, tổ dân phố, khu dân cư, xã, phường, thị trấn. Chủ động, kịp thời phát hiện và can thiệp sớm đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; kết hợp với tăng cường đấu tranh ngăn chặn tội phạm và tệ nạn ma túy xâm nhập vào thanh, thiếu niên.

- Phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên; trước hết không để bản thân và con em trong gia đình vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy. Thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong xử lý tổ chức đảng, đảng

1 Trọng tâm là: Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; Luật Thanh niên năm 2020; Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 27/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1452/QĐ-TTg ngày 31/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; Kế hoạch số 179-KH/TU ngày 20/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 11/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Đề án “Chuyển hóa, xây dựng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La không có ma túy, giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”....

viên, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến ma túy², nhất là đối với trường hợp bản thân người đứng đầu, cán bộ, đảng viên vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý, giáo dục dẫn đến con em hoặc cấp dưới trực tiếp vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, nhất là giữa lực lượng Công an, Đoàn thanh niên các cấp, cơ sở giáo dục và các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội; kết hợp với tăng cường vai trò, trách nhiệm của mỗi gia đình trong công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

- Bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác; xây dựng, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về không gian mạng; thực hiện đồng bộ các giải pháp kiểm soát, ngăn chặn, xóa bỏ kịp thời các trang thông tin xấu độc, kích động, lôi kéo thanh, thiếu niên tham gia tội phạm và tệ nạn ma túy; các hội, nhóm trá hình, thông tin hướng dẫn điều chế, sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép chất ma túy trên không gian mạng. Đồng thời, thành lập và duy trì các trang thông tin chính thống, phục vụ công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, định hướng tư tưởng cho thanh, thiếu niên cũng như tương tác, tiếp nhận thông tin về tội phạm và tệ nạn ma túy trong thanh, thiếu niên.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực, hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy tái hòa nhập cộng đồng. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp; phát huy hiệu quả Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và các nguồn vốn khác từ Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030.

- Lồng ghép nhiệm vụ phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên với thực hiện các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, tạo công ăn việc làm, khắc phục tình trạng thiếu việc làm trong thanh niên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên tại các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, các huyện, thành phố.

2. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên

² Theo Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; Bộ luật hình sự; Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020 ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện, nhận diện các trường hợp thanh, thiếu niên sử dụng trái phép các chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần mới trên địa bàn để kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền tham mưu bổ sung vào danh mục chất ma túy và tiền chất ma túy để quản lý.

- Phối hợp nghiên cứu, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật về:

(1) An toàn thực phẩm; phòng, chống tác hại của thuốc lá, nhất là quy định về quản lý các loại thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, thuốc lá thế hệ mới, shisha...

(2) Các cơ chế phối hợp liên ngành về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên phù hợp với thực tiễn, nhất là giữa lực lượng Công an với Đoàn thanh niên các cấp, ngành giáo dục và ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội có liên quan;

(3) Chế độ, chính sách hỗ trợ cho thanh, thiếu niên tham gia cai nghiện ma túy, tạo việc làm sau cai nghiện ma túy; cơ chế đặc thù, chính sách tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận thanh, thiếu niên có tiền sự về sử dụng trái phép chất ma túy; thanh, thiếu niên nghiện ma túy đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy và thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù vào làm việc.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết các văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy theo chức năng, nhiệm vụ được giao để kịp thời phát hiện, đề xuất điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên

- Tập trung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về phòng, chống ma túy, cảnh báo trực diện cho thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên và phụ huynh về hậu quả, tác hại, hiểm họa của ma túy, nhất là ma túy tổng hợp, chất hướng thần, các loại ma túy “*núp bóng*”, pha trộn, tẩm ướp vào thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điện tử, thuốc lá thế hệ mới, shisha...; phương thức, thủ đoạn lôi kéo thanh, thiếu niên tham gia vào hoạt động phạm tội và tệ nạn ma túy; cách thức nhận biết, kỹ năng phòng ngừa, chủ động tham gia tố giác và cung cấp thông tin về tội phạm, tệ nạn ma túy cho cơ quan chức năng.

- Tổ chức tuyên truyền cá biệt tập trung vào nhóm đối tượng có nguy cơ cao như thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, có tiền án, tiền sự; học sinh, sinh viên cá biệt; thanh, thiếu niên vùng dân tộc thiểu số, khu vực biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa; thanh, thiếu niên có hoàn cảnh đặc biệt khác.

- Đa dạng hóa các hình thức, biện pháp tuyên truyền với nội dung dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện, phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền; kết hợp giữa truyền thông đại chúng với tuyên truyền trực tiếp đến từng gia đình, tổ dân phố, cụm dân cư và các cơ sở giáo dục. Tổ chức các đợt cao điểm tuyên truyền phòng, chống ma túy cho thanh, thiếu niên hưởng ứng Tháng hành động phòng, chống ma túy (tháng 6), Ngày quốc tế phòng, chống ma túy và Ngày toàn dân phòng, chống ma túy (26/6); Tháng Thanh niên, Ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3); Ngày Pháp luật Việt Nam (09/11).

- Đẩy mạnh khai thác, sử dụng có hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại và các thành tựu khoa học - công nghệ, nhất là Internet, không gian mạng để tuyên truyền, tương tác trực tuyến giữa thanh, thiếu niên với cơ quan chức năng trong công tác phòng, chống ma túy.

- Xây dựng, chuẩn hóa các chương trình, tài liệu tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy cho thanh, thiếu niên, phù hợp với đối tượng, vùng miền. Nghiên cứu đưa nội dung phòng, chống ma túy tích hợp vào chương trình giảng dạy chính khoá của các cơ sở giáo dục. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho đội ngũ tuyên truyền viên, cán bộ, giáo viên để làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan thông tin, truyền thông, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và trách nhiệm của ngành giáo dục. Lồng ghép nội dung tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên tại địa bàn cơ sở và các cơ sở giáo dục. Xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, đoàn viên, thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên tích cực tham gia công tác phòng, chống ma túy.

- Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, các huyện, thành phố triển khai hiệu quả Chương trình số 03/CTr-BCA-BGDDT ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa Bộ Công an với Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật phòng, chống ma túy trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2024 - 2030.

4. Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy; điều trị nghiện ma túy; quản lý chặt chẽ thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và quản lý, hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng

- Thường xuyên rà soát, thống kê, lập danh sách thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy; bảo đảm có hồ sơ quản lý chặt chẽ và số thanh, thiếu niên nghiện ma túy được hỗ trợ tư vấn pháp lý và xã hội, chuyển gửi và cai nghiện phù hợp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong công

tác quản lý thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; quản lý, tư vấn, cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy và quản lý thanh, thiếu niên sau cai nghiện.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm, phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa chính quyền địa phương và gia đình, lực lượng Công an, Đoàn Thanh niên, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội và các đoàn thể ở cơ sở trong công tác quản lý thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy và quản lý, hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng.

- Chủ động phát hiện sớm và can thiệp sớm đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy thông qua sàng lọc, kiểm tra đối với số thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên có nguy cơ cao tại các cơ sở giáo dục và trong cộng đồng, bảo đảm theo quy định Luật Phòng, chống ma túy. Triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa nghiện ma túy đối với nhóm thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy và thanh, thiếu niên có nguy cơ cao.

- Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, nhất là cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo hướng tạo điều kiện cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy được tham gia cai nghiện ngay tại địa bàn cơ sở. Bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực cho các cơ sở cai nghiện công lập đáp ứng yêu cầu công tác cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ phù hợp cho cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy.

- Bảo đảm công tác giáo dục phổ thông và đẩy mạnh công tác đào tạo, dạy nghề, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên tham gia cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện phù hợp với từng lứa tuổi và nhu cầu thực tiễn. Xây dựng chính sách, mô hình tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm, tạo việc làm, giới thiệu nguồn vốn vay cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện lập nghiệp, hoà nhập cộng đồng tại các địa phương.

- Xây dựng đường dây nóng về tư vấn cai nghiện ma túy, mạng lưới tư vấn, hỗ trợ về y tế, tâm lý, pháp luật, trợ giúp pháp lý, việc làm cho thanh, thiếu niên và gia đình có con em sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy.

5. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy nhằm ngăn chặn ma túy tác động đến thanh, thiếu niên

- Các lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, chủ công, nòng cốt là lực lượng Công an thường xuyên nắm, phân tích, đánh giá, nhận diện, dự báo chính xác tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy, chủ động triển khai các kế hoạch, biện pháp nghiệp vụ phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả, không để tình hình ma túy trong thanh, thiếu niên diễn biến phức tạp.

- Tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nhằm kịp thời phát hiện, đấu tranh triệt phá các đường dây, tổ chức, băng nhóm, điểm, tụ điểm phức tạp về ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên, nhất là các hoạt động ma túy “*núp bóng*”; hoạt động mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện và dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự; hoạt động mua bán, vận chuyển, lôi kéo, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy liên quan đến không gian mạng.

- Nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm ma túy; thực hiện các chính sách trợ giúp pháp lý, thủ tục tố tụng hình sự thân thiện đối với người dưới 18 tuổi, nhất là liên quan đến các hành vi tổ chức, cưỡng bức, lôi kéo người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy, chứa chấp người dưới 16 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, không để tội phạm ma túy lợi dụng vào việc sản xuất, mua bán trái phép các chất ma túy. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, quản lý địa bàn đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện và dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự, các điểm, tụ điểm phức tạp xung quanh các cơ sở giáo dục, địa bàn tập trung đông thanh niên công nhân lao động tại các khu, cụm công nghiệp, dự án xây dựng đô thị... để phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi mua bán, tổ chức sử dụng, lôi kéo thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên sử dụng trái phép chất ma túy.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nghiệp vụ chuyên sâu, đặc thù cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về kỹ năng xử lý các vụ việc, vụ án về ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng đấu tranh, xử lý.

III. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan giúp Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này.

2. Công an tỉnh

- Chủ trì phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh và các ngành chức năng tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, đoàn thể, huyện, thành phố thực hiện Chương trình gắn với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khác của Chính phủ, Bộ Công an và của Tỉnh về công tác phòng, chống ma túy.

- Chủ động thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, nhận diện, dự báo chính xác tình hình để triển khai các kế hoạch, phương án đấu tranh, triệt xóa các băng nhóm, tổ chức, đường dây tội phạm ma túy; các điểm, tụ điểm mua bán, tổ chức sử dụng, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy liên quan đến thanh, thiếu niên.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở kinh doanh có điều kiện và dịch vụ nhạy cảm về an ninh trật tự để phòng ngừa và kịp thời phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi mua bán, tổ chức sử dụng, lôi kéo thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ chức kiểm duyệt, phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân giới thiệu, hướng dẫn sản xuất, điều chế ma túy tổng hợp, quảng cáo mua bán, lôi kéo thanh, thiếu niên sử dụng trái phép các chất ma túy trên không gian mạng.

- Định kỳ phối hợp rà soát, thống kê, lập danh sách thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy để có biện pháp quản lý chặt chẽ ngay tại địa bàn cơ sở, nhất là quản lý về cư trú, kết hợp với tuyên truyền, giáo dục, tư vấn, giúp đỡ tái hòa nhập cộng đồng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và các hành vi vi phạm pháp luật. Cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy trong thanh, thiếu niên trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Tổ chức kiểm tra, sàng lọc, phát hiện việc sử dụng ma túy đối với số thanh, thiếu niên có nguy cơ cao trong cộng đồng thông qua công tác quản lý, theo dõi, giám sát hoặc kết hợp với triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo chuyên đề thanh, thiếu niên điều khiển phương tiện giao thông mà trong cơ thể có chất ma túy bảo đảm theo quy định pháp luật ... Chủ động phối hợp chặt chẽ với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tòa án trong công tác xác định tình trạng nghiện; áp dụng các biện pháp hỗ trợ tư vấn pháp lý và xã hội, chuyển gửi và cai nghiện phù hợp đối với thanh, thiếu niên nghiện ma túy.

- Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên phù hợp với thực tế địa phương. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách tổ tụng hình sự thân thiện trong điều tra, xử lý các vụ án xâm hại người dưới 18 tuổi, nhất là liên quan đến các hành vi tổ chức, cưỡng bức, lôi kéo người dưới 18 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy, chứa chấp người dưới 16 tuổi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các huyện, thành phố tăng cường tuyên truyền phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với lứa tuổi, vùng miền; tập trung tuyên truyền trên không gian mạng, ứng dụng khoa học công nghệ, internet, hệ thống mạng xã hội... để tuyên truyền, tương tác trực tuyến giữa thanh, thiếu niên với cơ quan chức năng nhằm chủ động phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm, tệ nạn ma túy.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên là các trại viên, can phạm nhân đang bị tạm giam, tạm giữ, chấp hành án phạt tù liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy tại Trại tạm giam, nhà tạm giữ do lực lượng Công an quản lý. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm, tạo việc làm, giới thiệu nguồn vốn vay cho thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù lập nghiệp, ổn định cuộc sống.

- Phối hợp với Tỉnh đoàn, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành có liên quan hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng tuyên truyền phòng, chống ma túy cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên ở các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục và các huyện, thành phố.

- Phối hợp với Tỉnh đoàn và các sở, ngành, cơ quan liên quan định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình và báo cáo theo quy định; tham mưu tổ chức sơ kết việc thực hiện Chương trình vào năm 2026, tổng kết vào năm 2030; đề xuất hình thức động viên, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường tuyên truyền cho học sinh và phụ huynh về hậu quả, tác hại của ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp, các chất gây nghiện, chất hướng thần, ma túy “*núp bóng*” các loại thực phẩm, đồ uống, thuốc lá điện tử, thuốc lá thể hệ mới, dưới các dạng như tem giấy, bùa lười, cỏ Mỹ...; cách thức nhận biết và kỹ năng phòng tránh... Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, học sinh ký cam kết không vi phạm pháp luật về ma túy, góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy.

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy cho học sinh; lồng ghép nội dung giáo dục phòng, chống ma túy vào chương trình, giáo dục, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Mở rộng các hình thức tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy thông qua tổ chức các hoạt động thực tế cho học sinh như tham dự các phiên tòa diễn, phiên tòa giả định, tham quan các cơ sở cai nghiện ma túy, trại tạm giam.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về phòng, chống ma túy cho cán bộ, giáo viên để nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy cho học sinh.

- Thường xuyên kiểm tra, khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy tại các cơ sở giáo dục để đề ra giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn phù hợp, hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý học sinh; chủ động rà soát, phát hiện cán bộ, giáo viên, học sinh liên quan đến tội phạm và tệ nạn ma túy để kịp thời phối hợp với các cơ quan có liên quan có giải pháp giáo dục, quản lý và xử lý theo quy định. Xây dựng mô hình cung cấp, tiếp nhận thông tin tố giác về tệ nạn ma túy liên quan đến cán bộ, giáo viên và học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo xây dựng và duy trì triển khai các chương trình, kế hoạch, quy chế phối hợp giữa các cơ sở giáo dục, lực lượng Công an, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và gia đình trong công tác quản lý học sinh; phòng, chống ma túy trong các cơ sở giáo dục; xây dựng mô hình “*Trường học không ma túy*”; bảo đảm môi trường giáo dục, học tập an toàn, văn minh trong các cơ sở giáo dục, khu ký túc xá, khu nhà trọ ngoại trú của học sinh và khu vực xung quanh các cơ sở giáo dục để phòng ngừa tội phạm và tệ nạn ma túy xâm nhập vào trường học.

- Tổ chức triển khai Chương trình gắn với thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; Dự án “*Tăng cường năng lực phòng, chống ma túy trong trường học đến năm 2025*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật phòng, chống ma túy trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2024 - 2030; Kế hoạch thực hiện các chuyên đề bảo đảm an ninh, trật tự trong học đường của UBND tỉnh hằng năm.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Triển khai hiệu quả Đề án “*Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người sau cai nghiện ma túy đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030*”; chú trọng nâng cấp, sửa chữa, xây mới và bảo đảm nhân lực cho Cơ sở điều trị nghiện ma túy, Cơ sở trợ giúp xã hội công lập. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực bảo đảm điều kiện cai nghiện ma túy; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, học văn hóa cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và thanh, thiếu niên nghiện ma túy theo quy định. Tổ chức đào tạo, dạy nghề, hướng nghiệp cho thanh, thiếu niên tham gia cai nghiện ma túy phù hợp với từng lứa tuổi, vùng miền.

- Chỉ đạo triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa nghiện ma túy đối với nhóm thanh, thiếu niên có nguy cơ cao và thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy; các giải pháp nhằm phát hiện sớm và can thiệp sớm đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Dự án “*Nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy và phòng ngừa nghiện ma túy đối với nhóm người có nguy cơ cao và người sử dụng trái phép chất ma túy*”; tập trung tham mưu triển khai hiệu quả biện pháp cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng để tạo điều kiện cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy được tham gia cai nghiện ma túy ngay tại địa bàn cơ sở.

- Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình việc làm hằng năm theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu đề xuất chính sách hỗ trợ cho vay tín dụng dành cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy để được học nghề, sản xuất kinh doanh, tái hòa nhập cộng đồng và hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng, phát triển các mô hình tạo công ăn, việc làm cho thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy, thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù vào làm việc theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Xây dựng, duy trì đường dây nóng về tư vấn cai nghiện ma túy, mạng lưới tư vấn, hỗ trợ về y tế, tâm lý, pháp lý, việc làm cho thanh, thiếu niên và gia đình có con em sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy tại các địa bàn cơ sở trọng điểm, phức tạp về ma túy.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ phù hợp cho cán bộ quản lý, cán bộ thực hiện công tác tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy đối với thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tư vấn, cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy, sau cai nghiện ma túy.

- Triển khai các chương trình, giải pháp tổng thể bảo đảm chính sách hỗ trợ, can thiệp, giảm tác hại (*chăm sóc y tế, trợ giúp xã hội, hỗ trợ giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp pháp lý, tư vấn, điều trị tâm lý, giới thiệu việc làm...*) đối với nhóm đối tượng có nguy cơ cao, thanh, thiếu niên, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (*trẻ em đang hưởng trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và các sự cố bất khả kháng, trẻ em là nạn nhân bị bóc lột, cưỡng bức lao động, đã từng vi phạm pháp luật đang bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn...*).

5. Sở Y tế

- Chỉ đạo thường xuyên rà soát, bảo đảm cơ sở vật chất, nhân lực duy trì hoạt động của các cơ sở y tế đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện ma túy, nhất là trạm y tế cấp xã để kịp thời phát hiện thanh, thiếu niên nghiện ma túy tại địa bàn cơ sở và áp dụng các biện pháp cai nghiện ma túy phù hợp.

- Triển khai các giải pháp can thiệp giảm tác hại cho thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy; các giải pháp điều trị cho thanh, thiếu niên nghiện ma túy tổng hợp.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quy định pháp luật về an toàn thực phẩm và phòng, chống tác hại của thuốc lá để phòng ngừa hoạt động ma túy "*núp bóng*" các loại thực phẩm, thuốc lá điện tử, thuốc lá thế hệ mới...

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương chủ động hướng dẫn, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và trên không gian mạng về công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo triển khai lồng ghép công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch; phát huy hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở, tổ chức các sân chơi bổ ích, lành mạnh cho thanh, thiếu niên, gắn với phong trào xây dựng làng, thôn, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa.

- Phối hợp với lực lượng Công an, chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động, dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch nhằm phòng ngừa, không để thanh, thiếu niên lợi dụng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và các hoạt động liên quan đến tội phạm, tệ nạn ma túy.

8. Sở Tài Chính

Hàng năm, căn cứ dự toán do các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập và khả năng cân đối ngân sách địa phương, thẩm định nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

9. Sở Nội vụ

Hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 gắn với triển khai Chương trình. Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về thanh, thiếu niên phù hợp với thực tiễn và yêu cầu công tác phòng, chống ma túy theo từng giai đoạn.

10. Sở Công thương

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (*thuộc lĩnh vực Công thương*); phối hợp với các lực lượng chức năng (*Công an, Hải quan, Quản lý thị trường...*) kiểm tra các hoạt động kinh doanh đối với các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thảo mộc... (*thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Công thương*) không có chứng từ hợp pháp có nguy cơ "núp bóng" ma túy.

11. Cục Quản lý thị trường tỉnh

Chỉ đạo các Đội Quản lý thị trường tăng cường công tác nắm tình hình, kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, thảo mộc... không có chứng từ hợp pháp có nguy cơ "núp bóng" ma túy.

12. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chỉ đạo các đơn vị triển khai đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng, quản lý bảo vệ biên giới. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức thực thi nhiệm vụ Biên phòng; duy trì an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng ngừa, phối hợp, đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định.

- Chỉ đạo các Đoàn Biên phòng phối hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức Đoàn nơi đóng quân đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho thanh, thiếu niên; xây dựng, nhân rộng các mô hình thanh, thiếu niên xung kích tham gia phòng, chống ma túy ở khu vực biên giới.

13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức Đoàn trong Quân đội phối hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức Đoàn nơi đóng quân đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy cho thanh, thiếu niên; xây dựng, nhân rộng các mô hình thanh, thiếu niên xung kích tham gia phòng, chống ma túy trong đơn vị và ở khu vực đóng quân.

14. Các sở, ngành, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, phát triển thanh niên ở cơ quan, đơn vị; phối hợp triển khai có hiệu quả các nội dung của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ, chuyên đề và lĩnh vực phụ trách.

15. Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng triển khai hiệu quả công tác phòng, chống ma túy tại các trường, trọng tâm là:

- Tăng cường tuyên truyền cho giảng viên, sinh viên về hậu quả, tác hại của ma túy, đặc biệt là ma túy tổng hợp, các chất gây nghiện, chất hướng thần, ma túy “núp bóng” các loại đồ uống, thuốc lá điện tử, thuốc lá thế hệ mới, dưới các dạng như tem giấy, bùa lưỡi, cỏ Mỹ...; cách thức nhận biết và kỹ năng phòng tránh... Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, giảng viên, sinh viên ký cam kết không vi phạm pháp luật về ma túy, góp phần xây dựng trường học đạt tiêu chuẩn không có ma túy; lồng ghép nội dung giáo dục phòng, chống ma túy vào chương trình giáo dục, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa; tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy thông qua các hoạt động thực tế cho sinh viên (*tham dự các phiên tòa điểm, phiên tòa giả định; tham quan các cơ sở cai nghiện ma túy, trại tạm giam*).

- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về phòng, chống ma túy cho cán bộ, giảng viên, cán bộ Đoàn, hội của nhà trường để nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục phòng, chống ma túy cho sinh viên.

- Kiểm tra, khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình tệ nạn ma túy và công tác phòng, chống ma túy tại nhà trường để triển khai giải pháp tổng thể, phù hợp. Chủ động rà soát, phát hiện cán bộ, giảng viên, sinh viên liên quan đến tội phạm và tệ nạn ma túy để kịp thời phối hợp với các cơ quan chức năng có giải pháp giáo dục, quản lý và xử lý theo quy định. Xây dựng, duy trì mô hình cung cấp, tiếp nhận thông tin tố giác về tệ nạn ma túy liên quan đến cán bộ, giảng viên và sinh viên của nhà trường.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch, quy chế phối hợp giữa các trường với lực lượng Công an, chính quyền địa phương trong công tác quản lý sinh viên; bảo đảm an ninh, trật tự trong các trường, khu ký túc xá, khu nhà trọ của sinh viên và khu vực xung quanh các trường.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai hiệu quả Chương trình gắn với thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2024 của

Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên; Dự án “*Tăng cường năng lực phòng, chống ma túy trong trường học đến năm 2025*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình phối hợp giữa Bộ Công an với Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật phòng, chống ma túy trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2024 - 2030; Kế hoạch thực hiện các chuyên đề bảo đảm an ninh, trật tự trong học đường của UBND tỉnh hàng năm.

16. Đề nghị Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh

- Xây dựng chương trình, kế hoạch chỉ đạo Đoàn Thanh niên các cấp phát huy vai trò xung kích, phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an, ngành giáo dục và các ban, ngành, các huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

- Cụ thể hoá các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình thành chỉ tiêu trong chương trình công tác Đoàn, công tác Đội, các phong trào thanh, thiếu niên hàng năm của Đoàn thanh niên các cấp; đưa vào kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ, kịp thời phát hiện, xây dựng, nhân rộng các mô hình, cách làm hay, sáng tạo trong công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên; tổ chức tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên.

- Phát động đoàn viên, thanh niên phát huy tinh thần xung kích, là lực lượng nòng cốt hỗ trợ các lực lượng chức năng trong các hoạt động phòng, chống ma túy, như: chủ động nắm tình hình địa bàn, phát hiện thanh, thiếu niên liên quan đến tệ nạn ma túy, vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy; lập danh sách thanh, thiếu niên sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy để quản lý; hỗ trợ thanh, thiếu niên sau cai nghiện ma túy; thanh, thiếu niên chấp hành xong án phạt tù về tội phạm ma túy có việc làm ổn định, tái hoà nhập cộng đồng, phòng, ngừa tái nghiện và vi phạm pháp luật; ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy phù hợp với tình hình hiện nay.

- Huy động nguồn lực, phát huy hiệu quả Quỹ hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và các nguồn vốn khác từ Chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2022 - 2030 phục vụ triển khai Chương trình.

- Chủ trì tham mưu triển khai các Dự án thành phần³ do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng.

17. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

- Phối hợp thu thập thông tin thống kê và chia sẻ thông tin về tình hình người dưới 18 tuổi phạm tội về ma túy và đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi

³ Dự án 1: “*Tăng cường công tác truyền thông về phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên*”; Dự án 2: “*Triển khai các Đội Thanh niên xung kích tham gia phòng, chống ma túy tại địa bàn cơ sở*”.

đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tổ chức tốt các phiên tòa giả định, phiên tòa rút kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng xét xử và hiệu quả công tác tuyên truyền phòng ngừa tội phạm ma túy trong thanh, thiếu niên.

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu, đặc thù cho kiểm sát viên, thẩm phán về kỹ năng xử lý các vụ việc, vụ án về ma túy có liên quan đến thanh, thiếu niên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng đấu tranh, xử lý.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chỉ đạo nâng cao chất lượng xem xét, giải quyết hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

18. UBND các huyện, thành phố

- Triển khai thực hiện tốt các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nêu trên; xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình, trong đó phân công nhiệm vụ, gắn trách nhiệm cụ thể cho các ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát thực hiện Chương trình.

- Nghiên cứu tham mưu cho Huyện ủy, Thành ủy đưa vào các nghị quyết, chương trình hành động nội dung chỉ đạo tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chất lượng, hiệu quả.

- Chỉ đạo rà soát, thanh loại những mô hình, câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy trên địa bàn hoạt động hình thức, không hiệu quả; đồng thời, phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác phòng, chống ma túy. Kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống ma túy.

- Lồng ghép nội dung công tác phòng, chống ma túy trong thanh, thiếu niên với các chương trình, đề án, dự án bảo đảm an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội khác tại địa phương.

- Quan tâm bố trí kinh phí của địa phương và huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Chương trình từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành (*dự toán chi thường xuyên giao đầu năm và dự toán bổ sung trong năm*); kết hợp lồng ghép với các chương trình, dự án, nhiệm vụ có liên quan; nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nếu có*).

- Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Chương trình, các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình và tổng hợp chung vào dự toán kinh phí thường xuyên để trình cấp có thẩm quyền bố trí

theo quy định. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công nhiệm vụ theo kế hoạch xây dựng Kế hoạch hoặc văn bản triển khai, chỉ đạo ngành dọc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình gắn với thực hiện Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và chỉ đạo của ngành dọc cấp trên; Kế hoạch của các đơn vị gửi về Công an tỉnh trước ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Định kỳ hằng quý, 6 tháng, 01 năm (*quý I trước ngày 15 tháng 3, 6 tháng trước ngày 15 tháng 6, quý III trước ngày 15 tháng 9, 01 năm trước ngày 15 tháng 12*) các cơ quan, đơn vị, địa phương thông tin, báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình trong báo cáo kết quả công tác phòng, chống ma túy gửi Công an tỉnh - Cơ quan thường trực công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy để tổng hợp.

3. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh và các sở, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình. Tham mưu, đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm theo quy định. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình vào các báo cáo định kỳ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh; định kỳ tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình và đề xuất nhiệm vụ thời gian tiếp theo./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 655/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 09 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 956/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác,
bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La giữa Cơ quan quản lý đường bộ; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã); các sở, ngành, Công an và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ngành, Công an, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý đường bộ là Cục Đường bộ Việt Nam, Khu Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã; đơn vị được Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền, giao quản lý đường bộ.

- Khu Quản lý đường bộ I thuộc Cục Đường bộ Việt Nam: Quản lý quốc lộ 6.

- Sở Giao thông vận tải (GTVT): Quản lý các tuyến quốc lộ và đường tỉnh được Bộ GTVT ủy quyền và UBND tỉnh giao.

- UBND cấp huyện: Quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã được UBND tỉnh giao trong địa giới hành chính.

- UBND cấp xã: Quản lý đường xã được UBND huyện giao trong địa giới hành chính.

2. Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ là các tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ theo hợp đồng ký với cơ quan trực tiếp quản lý công trình đường bộ, cơ quan được nhà nước giao quản lý dự án bảo trì công trình đường bộ. Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ bao gồm: nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

3. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

4. Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (KCHT GTĐB) gồm hoạt động bảo đảm an toàn và tuổi thọ của công trình đường bộ, biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi xâm phạm KCHT GTĐB.

5. Phạm vi bảo vệ KCHT GTĐB gồm đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, phần trên không, phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước có liên quan đến an toàn công trình và an toàn giao thông đường bộ.

6. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (*chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào*) ra mỗi bên như sau:

- a) 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II.
- b) 02 mét đối với đường cấp III.
- c) 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

7. Hành lang an toàn đường bộ (HLATĐB) là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. Giới hạn HLATĐB xác định theo quy hoạch đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được quy định như sau:

- a) Đối với đường ngoài đô thị: Căn cứ cấp kỹ thuật của đường theo quy hoạch, phạm vi HLATĐB có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên là:
 - 17 mét đối với đường cấp I, cấp II.
 - 13 mét đối với đường cấp III.
 - 09 mét đối với đường cấp IV, cấp V.

- 04 mét đối với đường có cấp thấp hơn cấp V.

b) Đối với đường đô thị, giới hạn HLATĐB là chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; ý thức chấp hành quy định pháp luật của tổ chức, cá nhân; kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm quy định quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB trên địa bàn tỉnh.

2. Giải quyết kịp thời các vướng mắc, bất cập, khó khăn phát sinh về xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp phải tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, khách quan, không trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả, đúng thẩm quyền, giảm thủ tục hành chính xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB.

2. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp (nếu có) được bàn bạc, giải quyết theo đúng quy định. Đối với những vấn đề chưa thống nhất hoặc vượt quá thẩm quyền thì Sở GTVT có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Xây dựng kế hoạch, thành lập tổ kiểm tra, đoàn kiểm tra liên ngành xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB trên địa bàn tỉnh.

2. Lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức họp, hội nghị, hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB.

3. Thống kê, báo cáo kết quả công tác xử lý vi phạm hành chính về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB trên địa bàn tỉnh.

4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 6. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành nghiêm quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Tuyên truyền, phổ biến đến tổ chức, cá nhân các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHT GTĐB và tập trung một số nội dung chính sau:

a) Các hành vi bị cấm được quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

b) Các quy định về phạm vi bảo vệ KCHT GTĐB theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 15; Điều 16; Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ KCHT GTĐB; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

c) Các mức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ quy định tại các Điều 12, Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và các quy định khác liên quan.

2. Vận động các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB tự giác tháo dỡ các công trình vi phạm, khôi phục nguyên trạng để đảm bảo an toàn giao thông.

Điều 7. Công tác xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB phối hợp xử lý

a) Sử dụng, khai thác tạm thời trên đất HLTĐB vào mục đích canh tác nông nghiệp làm ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và an toàn giao thông.

b) Trồng cây trong phạm vi đất dành cho đường bộ làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông.

c) Dựng cổng chào hoặc các vật che chắn khác trái quy định trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

d) Treo băng rôn, biểu ngữ trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ.

đ) Đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo trên đất của đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị.

e) Sử dụng trái phép đất của đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị làm nơi sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị; rửa xe, bơm nước mui xe gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường bộ.

g) Dựng rạp, lều quán, cổng ra vào, tường rào các loại, công trình khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

h) Sử dụng trái phép lòng đường đô thị, hè phố để: Hạp chợ; kinh doanh dịch vụ ăn uống; bày, bán hàng hóa; sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị; rửa xe; đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo; xây, đặt bụi bệ; làm mái che hoặc thực hiện các hoạt động khác gây cản trở giao thông.

i) Đổ, để trái phép vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

k) Tự ý đào, đắp, san, lấp mặt bằng trong HLATĐB, phần đất dọc hai bên đường bộ dùng để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

l) Sử dụng trái phép đất của đường bộ hoặc HLATĐB làm nơi tập kết hoặc trung chuyển hàng hóa, vật tư, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, các loại vật dụng khác.

m) Dựng biển quảng cáo trên đất HLATĐB khi chưa được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản hoặc dựng biển quảng cáo trên phần đất dọc hai bên đường bộ dùng để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

n) Chiếm dụng đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB để xây dựng nhà ở.

o) Mở đường nhánh đầu nối trái phép vào đường chính.

p) Các hành vi gây hư hỏng, mất tác dụng của công trình đường bộ, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn toàn giao thông như: Cầu, cống, rãnh thoát nước, nền mặt đường, hệ thống báo hiệu đường bộ.

q) Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý vi phạm quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB

a) Đối với vi phạm trong phạm vi phần đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB đã được bồi thường, thu hồi: Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm xử lý vi phạm theo thẩm quyền trên hệ thống các tuyến đường bộ được giao quản lý; UBND cấp huyện, UBND cấp xã, lực lượng Công an có trách nhiệm phối hợp thực hiện, xử lý vi phạm theo quy định.

b) Đối với vi phạm trong phạm vi phần đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB chưa được bồi thường, thu hồi (*bao gồm các tuyến đường bộ: quốc lộ, đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã*).

- Trường hợp người sử dụng đất (*tổ chức, cá nhân*) chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD nhưng sử dụng sai mục đích: UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm trong phạm vi địa giới hành chính quản lý; cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ kịp thời phát hiện vi phạm thuộc phạm vi được giao quản lý và phối hợp chính quyền địa phương xử lý vi phạm theo quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

- Trường hợp người sử dụng đất (*tổ chức, cá nhân*) đúng với mục đích sử dụng trong Giấy CNQSD của cơ quan có thẩm quyền cấp, nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì UBND cấp xã phối hợp với cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ tuyên truyền, vận động người sử dụng đất ký cam kết không coi nói, mở rộng, xây dựng công trình trên đất và phải tuân thủ theo các quy định về quản lý, sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB, an toàn công trình đường bộ.

- Trường hợp người sử dụng đất (*tổ chức, cá nhân*) có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ mà người sử dụng đất không tự khắc phục được thì cơ quan quản lý đường bộ phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP XỬ LÝ VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Trách nhiệm của Sở GTVT

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHT GTĐB các tuyến quốc lộ, đường tỉnh được giao quản lý.

2. Chỉ đạo Ban Quản lý bảo trì đường bộ, các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ thực hiện công tác tuần đường, tuần kiểm theo quy định tại Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ GTVT; phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHT GTĐB, tự giác chấm dứt thực hiện hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả vi phạm và khôi phục lại hiện trạng công trình ban đầu. Thông qua hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm về sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB tổ chức phát tờ rơi tuyên truyền, ký cam kết không vi phạm đối với tổ chức, cá nhân dọc trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh.

3. Chỉ đạo Thanh tra Sở GTVT, Ban Quản lý bảo trì đường bộ, các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm hại công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, đất HLTĐB trên các tuyến đường được giao quản lý ngay từ khi mới phát sinh.

a) Trường hợp vi phạm trong phạm vi phần đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB đã bồi thường, thu hồi hoặc vi phạm quy định về thi công, bảo trì công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ: Thanh tra Sở GTVT chủ trì, phối hợp với các đơn vị, chính quyền địa phương kiểm tra, lập hồ sơ vi phạm hành chính; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của tổ chức, cá nhân bị xử phạt. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định thì đề nghị UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định; tham mưu phối hợp với chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng để xử lý vi phạm, cưỡng chế, giải tỏa khi có đề nghị.

b) Trường hợp vi phạm trong phạm vi phần đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB chưa được bồi thường, thu hồi mà người sử dụng đất chưa được cấp Giấy CNQSD hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD nhưng sử dụng sai mục đích: Khi phát hiện vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ chủ động ngăn chặn kịp thời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về sử dụng, khai thác, bảo vệ KCHT GTĐB; lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và đồng thời thông báo ngay đến UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã, gửi kèm theo biên bản làm việc và các tài liệu liên quan để UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã xử lý vi phạm theo thẩm quyền quy định (*lập biên bản vi phạm hành chính; ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khi các tổ chức, cá nhân vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả*); đơn vị quản lý đường bộ, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ có trách nhiệm phối hợp trong việc xử lý vi phạm, thực hiện cưỡng chế, khắc phục hậu quả vi phạm và báo cáo Sở GTVT về tình hình vi phạm, kết quả xử lý vi phạm theo quy định.

c) Đối với trường hợp người sử dụng đất trong phạm vi phần đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB đã được cấp Giấy CNQSD, sử dụng đúng với mục đích đã được cấp nhưng có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ mà người sử dụng đất không khắc phục được: Phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, xác định, đánh giá mức độ ảnh hưởng và đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, hàng năm tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp thực hiện nghiêm các quy định về kiểm tra, xử lý vi phạm về KCHT GTĐB và HLATĐB; xử lý các hành vi phá hoại công trình đường bộ và lấn chiếm HLATĐB làm mất an toàn giao thông theo thẩm quyền. Phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý đường bộ trong việc giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chỉ đạo thực hiện công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng đảm bảo phù hợp với các quy định về quản lý và bảo vệ KCHT GTĐB và HLATĐB; chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với công tác quy hoạch và trật tự xây dựng trên HLATĐB trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với UBND cấp huyện hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất trong HLATĐB theo quy định của Luật Đất đai và các quy định của Chính phủ về quản lý và bảo vệ KCHT GTĐB, nhằm bảo đảm sự đồng bộ trong quản lý kết cấu hạ tầng giao thông với quản lý, sở hữu đất đai, cơ sở hạ tầng của địa phương.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hàng năm căn cứ định mức phân bổ chi sự nghiệp giao thông và khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên từ ngân sách tỉnh để thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHT GTĐB, giải tỏa HLATĐB theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện công tác quản lý, bảo trì KCHT GTĐB và giải tỏa HLATĐB của địa phương đảm bảo sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHT GTĐB. Thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng do ngành quản lý liên quan đến công trình đường bộ đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ KCHT GTĐB; phối hợp thực hiện công tác giải tỏa HLATĐB trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến tổ chức, cá nhân các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ KCHT GTĐB.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài HLATĐB theo quy định. Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm lấn, chiếm, sử dụng trái phép sử dụng trái phép đất của đường bộ, đất HLATĐB. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ KCHT GTĐB trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận thông tin, biên bản, hồ sơ vi phạm và kịp thời thực hiện xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định đối với các trường hợp vi phạm trong phạm vi phần đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB chưa được bồi thường, thu hồi mà người sử dụng đất chưa được cấp Giấy CNQSD hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD nhưng sử dụng sai mục đích do cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị hoặc của UBND cấp xã chuyển đến (*trong trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp xã*).

4. Tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khi các tổ chức, cá nhân vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

5. Lập thủ tục bồi thường, thu hồi đất, bố trí tái định cư đối với trường hợp các công trình xây dựng làm ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông đã được cơ quan quản lý đường bộ xác định.

6. Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, theo chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND cấp huyện xây dựng và ban hành kế hoạch giải tỏa, lập lại trật tự HLATĐB trên địa bàn.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến đến tổ chức, cá nhân các quy định về bảo vệ KCHT GTĐB; các văn bản hướng dẫn về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông đường bộ. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tự giác tháo dỡ công trình, vật kiến trúc... vi phạm HLATĐB. Tổ chức ký cam kết không vi phạm phần đất của đường bộ, đất HLATĐB đến từng hộ gia đình sống hai bên đường.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài HLATĐB theo quy định của pháp luật; chủ động kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phần đất của đường bộ, đất HLATĐB ngay từ ban đầu; trường hợp để xảy ra hiện tượng lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất HLATĐB tại địa phương nếu không có biện pháp phối hợp, xử lý vi phạm kịp thời thì Chủ tịch UBND cấp xã phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận thông tin, biên bản, hồ sơ vi phạm và kịp thời thực hiện xử lý vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định đối với các trường hợp vi phạm trong phạm vi phần đất của đường bộ hoặc đất HLATĐB chưa được bồi thường, thu hồi mà người sử dụng đất chưa được cấp Giấy CNQSD hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD nhưng sử dụng sai mục đích do cơ quan, đơn vị quản lý đường bộ, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ chuyển đến. Trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm chuyển ngay biên bản, hồ sơ vi phạm đến Chủ tịch UBND cấp huyện để xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ KCHT GTĐB trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Huy động, bố trí lực lượng tham gia cưỡng chế, giải tỏa vi phạm về bảo vệ KCHT GTĐB trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Quy định về kinh phí

Nguồn kinh phí cho các hoạt động được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có). Việc phối hợp giải quyết các thủ tục do cơ quan nào chủ trì, thì sử dụng nguồn kinh phí của cơ quan đó. Trường hợp thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan chủ trì tổng hợp dự toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo UBND tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai trong cơ quan, đơn vị mình, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện cũng như giải quyết tốt mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm (*trước ngày 20 tháng 12*) báo cáo kết quả với UBND tỉnh (*qua Sở GTVT để tổng hợp*).

2. Sở GTVT có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Quy chế này và báo cáo UBND tỉnh (*hàng năm trước ngày 31 tháng 12*) theo quy định.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy chế được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về UBND tỉnh (*qua Sở GTVT*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com